



# PHẬT HỌC

佛學

PHƯƠNG TIỆN TU HỌC PHẬT PHÁP - PHÁT HÀNH HÀNG THÁNG

SỐ 370, NĂM THỨ 30

NGÀY 1 THÁNG 5-2024



Điện Tử Thư (E-Mail): [huynhaitong@gmail.com](mailto:huynhaitong@gmail.com)

Mạng Nhện Toàn Cầu (World Wide Web): <http://www.nsphat-hoc.org>



## NGUYỆT SAN PHẬT HỌC

Chủ Biên:

**PHÚC TRUNG**

Thủ Quỹ:

**DIỆU LAN**

Kiểm Soát:

**PHƯỚC SƠN**

Ban Biên Tập:

**BÌNH ANSON**

**CHÂN ĐẠI LƯỢNG**

**MINH HÒA**

**NHÂN CA**

**TÂM KHÔNG**

**TÂM TUỆ TĨNH**

**TUỆ VIÊN**

Cộng Tác:

**CHÍNH HẠNH**

**HÀN TRÚC**

**HỒNG DƯƠNG**

**MINH CHÁNH**

**MINH ĐỨC**

**TRẦN TRUNG ĐẠO**

Kỹ Thuật:

**MINH HÒA**

**NHÂN CA**

# Mục Lục

<u>Tu học hàng ngày</u>	BBT	3
<u>Thiền định một PP. biến cải tâm linh</u>	Hoang Phong dịch	4
<u>Pháp Cú: 415 Phẩm Bà La Môn</u>	HT. Th. Minh Châu dịch	13
<u>Câu chuyện một chiếc đèn dầu</u>	Hoang Phong	14
<u>Hư Hư Lục: Hòa thương Cua</u>	Thích Nữ Như Thủy	17
<u>Giới thiệu về thi sĩ Tuệ Nga</u>	Suru Tầm	18
<u>"Con vào da ma đi tu"</u>	Bs Đỗ Hồng Ngọc	19
<u>Năm mươi năm, một chặng đường</u>	Tiểu Lục Thành Phong	22
<u>Tản mạn về quan hệ Thầy Trò trong Đạo và ...</u>	Huệ Hương	24
<u>Có niềm vui tức thì</u>	Thích nữ Tâm Vân	30

Tranh bìa  
**Hoa Sen**

**Đôi lời thưa trước cùng quý tác giả có bài  
đăng trong**

**Nguyệt San Phật Học**

Nhằm mục đích hoàng dương Phật Pháp, Nguyệt San Phật Học đăng lại một số bài từ các Tạp Chí, Sách, Báo Phật Giáo. Có những bài không thể liên lạc được với tác giả, xin quý vị hoan hỷ miễn thứ cho.

**Ban Biên Tập  
Nguyệt San Phật Học**

## Tu học hàng ngày

Người Phật Tử chúng ta ngoài việc tụng kinh, niệm Phật còn phải tu học để khai mở trí tuệ.

Thông thường người ta hiểu tu là tu tâm dưỡng tánh. tức là sửa chữa cho tâm tánh của mình thuần hậu, hiền lương, luôn nghĩ đến những việc thiện lành, tránh xa việc nghĩ ác, làm ác.

Thường ngày người ta tụng kinh vào những giờ giấc: sớm, trưa, chiều, tối cũng là một cách tu tâm, dưỡng tánh.

Hành động của người tu là không sát sanh, hại vật cho nên người ta ăn chay cũng là cách tránh sát sanh hại vật.

Có người ăn chay mỗi tháng 2 ngày vào đêm tối trời hay đêm 30 hoặc tháng thiếu là vào đêm 29, có người ăn chay 4 ngày là các ngày 14, 15 và 29, 30 (tháng thiếu là ngày 28,29), có người ăn chay tháng 8 ngày là các ngày 1, 8, 14, 15, 18, 23, 24 và 30.

Cũng có người ăn chay tháng 10 ngày là các ngày 1, 8, 14, 15, 18, 23, 24, 28, 29 và 30.

Về tụng kinh. Có người tụng kinh Nhật tụng hoặc là mỗi thời tụng một phẩm của bộ kinh nào đó, gồm có Lễ Tam Bảo, Khai kinh, Tụng kinh chính, Chú vãng sanh, Bát nhã tâm kinh, Hồi hướng.

Niệm Phật. Pháp này người hành trì có thể áp dụng khi đi, đứng, nằm, ngồi. Tùy từng người áp dụng, có thể người ta vừa niệm danh hiệu Phật vừa lần chuỗi hạt, mục đích lần chuỗi là để đo lường thời gian, chuỗi thường có 14, 18, 21, 27, 36, 42, 54 hay **108 hạt**. Đây là con số chỉ cho 108 phiền não.

Con số 108 dường như không chỉ ý nghĩa với nhà Phật mà còn xuất hiện khá nhiều trong cuộc sống. Chuyến bay đầu tiên của Gagarin vòng quanh trái đất (ngày 12 tháng 04 năm 1962) hết 108 phút và hành trình chuyến bay được viết lại trong cuốn sách với tựa đề "108 phút và cả cuộc đời". Nếu chúng ta còn cho rằng con số 108 phút của chuyến bay nói trên của con người vào vũ trụ có thể chỉ là một sự trùng hợp với con số linh thiêng của nhà Phật, thì dãy Hymalaya với 108 ngọn núi hùng vĩ cao nhất thế giới, làm cho chúng ta chú ý nhiều hơn đến ý nghĩa của con số 108.

BBT/NS/PHẬT HỌC

# Thiền định

## một phương pháp biến cải tâm linh

Đức Đạt-lai Lạt-ma và Ugyen Sangharakshita  
Hoang Phong chuyên ngữ

### Bài 53 Nirmanakaya hay Thân xác sáng tạo

Nirmanakaya hay "Thân xác sáng tạo", còn được gọi là "Thân biến hóa", là tên gọi nói lên sự dần thân [cụ thể] của Đức Phật trong lãnh vực con người, có nghĩa là trong lãnh vực lịch sử, và trong lãnh vực đó (tức là với thể dạng con người) thì Đức Phật tất phải gánh chịu sự sinh, sự già nua và cái chết. Thế nhưng điều này thì lại khó tin đối với phần đông những người tu tập Phật giáo : làm thế nào mà Đức Phật lại còn phải gánh chịu thêm sự già nua và cái chết như vậy (tức là đối với họ Ngài không hoàn toàn biến mất sau khi thân xác vật chất không còn nữa, dù rằng kinh sách cho biết Đức Phật đã tịch diệt và hòa nhập vào Parinirvana / Đại-bát Niết-bàn). Điều sau đây lại còn khó hiểu hơn nữa [đối với họ] : Đức Phật từng xót thương thế giới đến độ như thế thì không có lý do nào mà Ngài lại không tái sinh trở lại trong thế giới này ? Câu trả lời của Đại thừa là chuyện đó không thể nào lại không có thể xảy ra được (đối với phần đông những người Phật giáo sự hiện hữu của Đức Phật là một sự hiển nhiên, Đức Phật luôn ở bên cạnh họ, dù là dưới hình thức này hay hình thức khác). Người ta thường nói có vô số chư Phật trong khắp các miền vũ trụ, vậy không có lý do gì để không tin là vị Shakyamuni / Thích-ca Mâu-ni lại không tái sinh trong một thế giới mà nơi đó đang cần đến sự xót thương của Ngài ? Trên đây là đại loại các cách trả lời của Đại thừa, và dù cho các cách trả lời đó không hoàn

toàn thỏa đáng đi nữa, thế nhưng câu hỏi tự nơi nó và bởi chính nó cũng không hoàn toàn đúng nghĩa (sự hiện hữu của Đức Phật là một cái gì đó thật tự nhiên và chính đáng, không phải là một chủ đề thắc mắc. Chẳng phải Dhamma của Ngài vẫn còn sinh động trong thế giới ngày nay hay sao ? Qua Dhamma đó, người Phật giáo luôn cảm thấy sự hiện diện của Ngài, không những bên cạnh họ mà cả bên trong tâm hồn và sự hiểu biết của họ)

Theo một cách hiểu nào đó thì đúng ra vấn đề là phải làm thế nào để có thể dung hòa sự dị biệt giữa Phật giáo Theravada và Phật giáo Đại thừa. Phật giáo Theravada khẳng định thật rõ rệt - và điều này thật ra cũng có vẻ phù hợp với quan điểm của chính Đức Phật - là sau khi thân xác vật chất của Ngài tan biến hết (không còn nữa) thì người ta sẽ không còn xác định được (hình dung được) thể dạng hay bản thể của Ngài [sau đó] sẽ là như thế nào. Đó là một trong các câu hỏi không có câu giải đáp (chính Đức Phật cho biết Ngài sẽ "trở thành" hay "không trở thành" như thế nào sau khi tịch diệt trong bài kinh Aggi-Vaccha-gotta Sutta MN 72, bài kinh này sẽ được chuyên ngữ dưới đây trong phần phụ lục. Trong bài kinh này có một câu rất sâu sắc thế nhưng dường như không mấy ai chú ý). Thắc mắc nêu lên là sau cái chết của thân xác vật chất, thì Đức Phật vẫn tiếp tục hiện hữu, thế nhưng hoặc Ngài trở nên vô cảm trước thực trạng của thế giới, hoặc không còn hiện hữu nữa. Thế nhưng Phật giáo

Theravada phủ nhận cả hai trường hợp đó bằng cách cho rằng Đức Phật "không còn hiện hữu", cũng "không phải là không còn hiện hữu", cũng "không phải cả hai" (*vừa hiện hữu vừa không hiện hữu*), cũng không phải là "một trong hai trường hợp đó". Phật giáo Theravada rất thận trọng không đưa ra một giải đáp [dứt khoát] nào về các câu hỏi mà chính Đức Phật cũng không trả lời (*sở dĩ Đức Phật không đưa ra một lời giải đáp mang tính cách khẳng định nào là để giúp các đệ tử của Ngài thoát ra khỏi mọi hình thức bám víu, bởi vì bất cứ một hình thức bám víu nào cũng đều tạo ra sự trói buộc, và bất cứ một sự trói buộc nào cũng đều đưa đến khổ đau. Quan điểm này sẽ được giải thích thêm dưới đây*).

Đại thừa có vẻ bạo dạn hơn, tìm cách trả lời dứt khoát thắc mắc trên đây (*theo Đại thừa thì Đức Phật vẫn tiếp tục hiện hữu sau khi đã hòa nhập vào Parinirvana*), mặc dù các câu trả lời [dứt khoát đó] chỉ đơn giản xoay quanh các phương tiện thiện xảo. Thật hết sức quan trọng là phải ý thức được là nếu dựa vào căn bản tu tập do Đại thừa chủ trương và nhất là nếu chỉ biết nghiên cứu (*tìm hiểu, phân tích*) kinh sách của tông phái này một cách từ chương từng chi tiết một, thì tất sẽ khó tránh khỏi các trở ngại (*khó hiểu*) trên phương diện triết học (*nói một cách khác là trong kinh sách Đại thừa có những sự nghịch lý, hoặc thiếu logic*). Chẳng hạn như trường hợp Đại thừa cho rằng người bồ-tát không hề mong cầu đạt được sự Giác ngộ nhằm mang lại sự giải thoát cho cá nhân mình, mà chỉ ước mong sẽ quay lại và mãi mãi quay lại [với thế giới này] để giúp đỡ kẻ khác, thì tất chúng ta sẽ có đủ lý do để nghĩ rằng chính Đức Phật cũng sẽ hành xử như vậy. Điều này thật hết sức hiển nhiên.

## Kinh Hoa Sen

Đại thừa, chẳng hạn như trong *Kinh Hoa Sen*, cho biết Đức Phật sở dĩ cho thấy là mình sẽ rút lui sau khi hòa nhập vào Parinirvana (Đại-bát Niết-bàn), là vì Ngài nhận thấy nếu cứ tiếp tục cùng sống với các đệ tử của mình, thì họ sẽ còn tiếp tục tùy thuộc vào mình, đây là lý do khiến Ngài có ý buông bỏ thân xác vật chất của Ngài. Thế nhưng chúng ta cũng có thể nghĩ khác hơn : không lẽ Ngài lại buông bỏ hết không tiếp tục hành động, dù bằng cách này hay cách khác, vì lòng từ bi của Ngài hay sao ? Điều đó nhất định là không. Đức Phật có thể thoát ra khỏi sự hiện hữu vật chất của Ngài, thế nhưng nhất định Ngài vẫn còn tiếp tục hiện hữu dưới các hình thức khác, ở các cấp bậc khác (*thiên liêng và màu nhiệm hơn*). Thật vậy, theo *Kinh Hoa Sen* thì Ngài vẫn còn đó, thế nhưng thuộc một cấp bậc hiện hữu cao siêu hơn, và Ngài vẫn tiếp tục thuyết giảng *Kinh Hoa Sen* ở cấp bậc đó (*Kinh Hoa Sen xuất hiện sớm nhất là vào thế kỷ thứ I sau Tây lịch tức là sau khi Đức Phật đã tịch diệt hơn sáu thế kỷ, thế nhưng bản kinh này vẫn thuật lại trường hợp Đức Phật thuyết giảng cho các đệ tử thân cận của Ngài trên đỉnh "Linh thúu" (Đỉnh Chim Ưng), bởi vì trên đỉnh núi này có một khối đá lớn giống hình dạng của một con chim ưng*).

Ngay cả lúc còn tại thế Đức Phật cũng từng nêu lên là rất khó thấu triệt được bản thể của Ngài, bản thể đó lại càng trở nên khó thăm dò hơn nữa sau cái chết của thân xác vật chất của Ngài. Nếu nhìn vào các truyền thống (*các học phái, tông phái*) khác nhau qua một sự phân tích từ chương từng chi tiết một, thì các bạn tất sẽ phải nhận thấy đủ mọi thứ mâu thuẫn trên phương diện trí thức, thế nhưng các bạn nên đặt các sự mâu thuẫn đó vào một khung cảnh mở rộng hơn,

tức là thuộc vào lãnh vực tâm linh và siêu-lý-trí (supra-intellectual). Các bạn không thể bảo rằng Đức Phật đã chết (*đã hoàn toàn tịch diệt, không còn hiện hữu nữa*), dù rằng nhiều người Phật giáo Theravada cũng nói như vậy (*cũng cho rằng Đức Phật không biến mất*), dù họ hiểu điều đó đi ngược lại với kinh sách của họ (*kinh sách Theravada cho rằng Đức Phật đã hoàn toàn hoà nhập vào Parinirvana / Đại-bát Niết-bàn, thế nhưng nhiều người Phật giáo Theravada vẫn van vái, cầu xin và bày ra các thứ lễ lạc để tôn vinh Ngài*). Thế nhưng các bạn cũng không thể bảo rằng Đức Phật vẫn còn sống, tương tự như sự khẳng định của một số người tu tập Đại thừa. Cả hai góc nhìn đó đều là hai cách đẩy mọi sự rơi vào tình trạng cực đoan.

### **Sambhogakaya hay Thân xác cùng tận hưởng**

Sambhogakaya có nghĩa từ chương là "Thân xác cùng tận hưởng" (*Mutual enjoyment body, nhưng cũng có thể dịch là "Thân xác cùng chia sẻ một niềm vui chung"*, ý nghĩa của các cách gọi này rất sâu sắc: Đức Phật cùng chia sẻ và chung hưởng với chúng ta sự Giác ngộ của chính Ngài. Tiền ngữ sambhoga trong chữ sambhogakaya có nghĩa từ chương là "cùng ăn uống với nhau", hậu ngữ kaya có nghĩa là "thân xác", tóm lại chữ sambhogakaya có nghĩa là "Thân xác cùng hưởng thụ", và đây cũng chính là "Thân xác hình tướng của Đức Phật", tức là thân xác mà Đức Phật hiện ra - qua muôn ngàn thể dạng và hình tướng khác nhau - để lúc nào cũng có thể ở bên cạnh chúng ta, cùng chia sẻ với chúng ta sự Giác ngộ của chính Ngài. Kinh sách Hán ngữ dịch chữ Sambhogakaya là "Bảo thân" hay "Thụ dụng thân", tiếc thay cách dịch đó không nói lên được ý nghĩa trên

*đây*). Thế nhưng đôi khi chữ Sambhogakaya cũng được dịch là "Thân vinh quang" của Đức Phật, cách dịch này mang nhiều thi vị, thế nhưng không được hoàn toàn trung thực, tuy nhiên cũng có thể là gần với hiện thực hơn chăng? Đó là thể dạng mang tính cách khuôn mẫu (archetypal) của Đức Phật, khuôn mẫu đó sở dĩ được nêu lên là để các vị bồ-tát cao thâm nhìn vào, đó là các vị bồ-tát đã thực hiện được các cấp bậc tri thức cao hơn nhiều so với các cấp bậc vận hành của tri thức chúng ta. Thể dạng khuôn mẫu đó của Đức Phật được xem là thể dạng mà những người bồ-tát [cao thâm] được "thụ hưởng" qua sự quán thấy chính Ngài (*trông thấy Đức Phật đang hiện hữu, đang sống thật qua sự quán thấy sâu xa và siêu nhiên của họ*), và đây cũng là thể dạng mà Đức Phật tiếp tục thuyết giảng Kinh Hoa Sen cho đến vô tận, như đã được nêu lên trong bản kinh này (*xin nhắc lại, Kinh Hoa Sen là một bản kinh xuất hiện muộn, thế nhưng vẫn tiếp tục thuật lại Đức Phật thuyết giảng cho các đệ tử cao thâm bên cạnh Ngài giống như khi Ngài còn tại thế. Các kinh trong Kim Cương thừa xuất hiện muộn hơn nhiều so với Kinh Hoa Sen, thế nhưng vẫn được những người tu tập theo Kim Cương thừa cho rằng là do chính Đức Phật thuyết giảng*).

Sambhogakaya biểu trưng cho nền tảng phong phú của một khuôn mẫu vượt ra ngoài ranh giới lịch sử, dù là qua khía cạnh nào. Qua góc nhìn đó, Đức Phật khuôn mẫu sẽ không còn vướng mắc bởi các kích thước không gian và thời gian, có nghĩa là vượt lên trên lịch sử. Khuôn mẫu đó gộp chung tất cả các sự hoàn hảo của tất cả chư Phật lịch sử và cả hơn nữa (*các nhân vật trong lãnh vực huyền thoại chẳng hạn*). Nếu các bạn muốn phác họa một con người hoàn hảo, một con người đẹp nhất mà trí tưởng tượng có thể hình dung được, thì rất có thể là các

bạn sẽ không thể nào có thể dựa vào một hiện thực sinh động duy nhất được (tức là một con người có thật nào đó). Có thể là các bạn sẽ phải vẽ đôi mắt của người này, mái tóc của người kia, đôi bàn tay của một người khác nữa, thì mới có thể tạo ra một "khuôn mẫu hoàn hảo" về con người [nói chung]. Trái lại Đức Phật khuôn mẫu hay Đức Phật dưới thể dạng Sambhogakaya, biểu trưng cho khuôn mẫu hoàn hảo đó, thế nhưng thuộc một cấp bậc siêu việt hơn nhiều [so với cấp bậc con người của chúng ta].

### Vài lời ghi chú của người chuyên ngữ

Bài giảng trên đây của nhà sư Sangharakshita nêu lên một thắc mắc khá bất ngờ : Đức Phật còn hiện hữu hay đã hoàn toàn tịch diệt như chính Ngài đã nêu lên trong một số bài kinh khi Ngài còn tại thế. Thế nhưng có thể là câu hỏi hay sự thắc mắc này không hề hiện lên trong tâm trí của hầu hết những người Phật giáo, vì đối với họ sự hiện hữu của Đức Phật trong thế giới ngày nay là điều thật hiển nhiên. Thế nhưng thật ra vấn đề tế nhị hơn như thế rất nhiều.

Sự dừng lại, sự chấm dứt, sự buông bỏ, sự tắt nghỉ... luôn bàng bạc trong Giáo huấn của Đức Phật, bởi vì đó chính là sự Giải thoát. Thế nhưng con người thì lại làm ngược lại : không thích dừng lại, không thích chấm dứt, không thích buông bỏ và rất sợ tắt nghỉ. Thế nhưng các thứ ấy lại chính là Sự Thật Cao Quý Thứ Tư gọi là *Magga*, là *Con Đường* mang lại *Sự Chấm Dứt Khổ Đau*. Sự chấm dứt khổ đau cũng được gọi là sự "Tắt nghỉ", và sự tắt nghỉ đó chính là Sự Thật Cao Quý Thứ Ba gọi là *Nirodha* (*extinction, cessation, ceasing...*). Sự tắt nghỉ hay dừng lại đó cũng tương tự như một ngọn lửa tắt vì nó không được châm thêm nhiên

liệu.

Giáo huấn của Đức Phật dạy chúng ta không nên châm thêm nhiên liệu cho ngọn lửa. Thế nhưng nhiên liệu là những thứ gì ? Đó là sự "bám víu" - kể cả "không bám víu" bởi vì "không bám víu" qua một góc nhìn nào đó cũng có thể là một "hình thức bám víu" - vào sự hiện hữu của Đức Phật sau sự tắt nghỉ của thân xác vật chất của Ngài. Đức Phật thuyết giảng sự không bám víu đó trong rất nhiều bài kinh thuộc tất cả các cấp bậc hiểu biết từ thấp đến thật cao. Chúng ta hãy nêu lên một trong số các cấp bậc thật cao đó.

Có một bài kinh thuật lại câu chuyện về một người tỳ-kheo tên là Malunkyaputta, rất hay thắc mắc về những vấn đề siêu hình hoặc viển vông. Người tỳ-kheo này nêu lên với Đức Phật các thắc mắc như sau : *"Vũ trụ có trường tồn hay không trường tồn, có giới hạn hay không giới hạn ; linh hồn (soul) và thân xác là cùng một thứ, hay linh hồn là một thứ và thể xác là một thứ khác ; sau khi chết Như lai / Tathagata còn hiện hữu hay không còn hiện hữu ; sau khi chết Như Lai còn hiện hữu và [đồng thời] cũng không còn hiện hữu ; sau khi chết Như Lai không còn hiện hữu nhưng cũng không phải là không còn hiện hữu"*. Đoạn trên đây được trích từ bản kinh *Cula-Malunkyaputta Sutta / Bài kinh ngắn giảng cho Malunkyaputta* - MN 63, Majjhima Nikaya / Trung Bộ Kinh, dựa theo bản dịch của nhà sư Thanissaro Bhikkhu (*độc giả có thể xem thêm về bài kinh này trong một bài viết mang tựa là "Sự yên lặng của Phật" theo địa chỉ liên kết : <https://thuvienhoasen.org/a6217/su-yen-lang-cua-phet>*). Đức Phật gạt bỏ tất cả các thắc mắc đó, không chấp nhận bất cứ một sự thắc mắc nào mà người tỳ-kheo Malunkyaputta nêu lên, kể cả các quan điểm hay vị thế nào liên hệ với các thắc mắc đó. Đức Phật cho

rằng tất cả các thắc mắc ấy đều vô ích, đều là các sự bám víu mang lại mọi thứ khổ đau.

Ngoài ra cũng có một bài kinh khác khá tương tự với bài kinh trên đây, mang tựa là *Aggi-Vaccha-gotta Sutta / Bài kinh giảng cho một người mang tên Vaccha bằng cách nêu lên một ngọn lửa - MN 72, Majjhima Nikaya / Trung Bộ Kinh*. Bài kinh thuật lại câu chuyện Đức Phật thuyết giảng cho một người chất phác về sự dừng lại hay sự tắt nghỉ của một vị Như Lai. Sự tắt nghỉ đó, sự dừng lại đó, cũng tương tự như một ngọn lửa không được châm thêm cỏ lá và củi khô. Ngọn lửa sau khi tắt sẽ đi về hướng nào : Đông ? Tây ? Bắc ? Nam ?, đó là câu hỏi mà Đức Phật nêu lên với một người chất phác tên là Vaccha. Qua bài kinh này Đức Phật cũng phủ nhận tất cả các thắc mắc mang tính cách tự biện và viển vông.

Sự phủ nhận hoàn toàn đó là một cách cắt đứt mọi sự bám víu hiện lên trong tâm trí một người khát thực không nhà mang tên là Vaccha và cũng có thể là trong tâm trí của hầu hết chúng ta. Sự đứng ra ngoài đó của mọi quan điểm mang tính cách tự biện đã được một nhà sư người Ấn vô cùng lỗi lạc là Nagarjuna (Long Thụ), thế kỷ thứ II sau Tây lịch, nhận thấy và dựa vào đó để thiết lập một học thuyết là Madhyamaka, kinh sách Hán ngữ gọi là "Trung quán luận". Thế nhưng trung quán không có nghĩa là một "vị thế" hay một "sự hiểu biết" ở giữa, nói một cách nôm na là "nửa này nửa kia" hay là "ba phải", không nghiêng vào bên này hay bên kia, mà là một vị thế hay một sự hiểu biết không vướng mắc vào một quan điểm tự biện nào cả. Học thuyết này vừa nói lên sự giải thoát ra khỏi tất cả mọi khái niệm hay quan điểm, nhưng cũng vừa nói lên sự trống không của chúng. Tóm lại đây là cách giúp chúng ta không bám víu vào bất cứ một thứ

gì cả, kể cả sự "hiện hữu" và "không hiện hữu" của Đức Phật sau khi thân xác vật chất của Ngài đã tan biến.

Tuy nhiên qua một câu thuyết giảng trong bài kinh *Aggi-Vaccha-gotta Sutta* nói đến trên đây thì Đức Phật cũng hé mở cho chúng ta trông thấy một vị Như Lai sẽ trở thành như thế nào, sau khi vượt ra ngoài tất cả các vị thế và các quan điểm ấy. Vậy chúng ta hãy thử tìm hiểu câu thuyết giảng này trong bản chuyển ngữ của bài kinh trên đây.

### Phụ Lục

\*\*\*

#### ***Bài kinh về ngọn lửa giảng cho một người tên là Vaccha***

#### ***Aggi-Vaccha-gotta Sutta***

(Majjhima Nikaya / Trung Bộ Kinh - MN 72)

◊◊◊

#### **Lời mở đầu của người chuyển ngữ**

Chữ *aggi* trong tựa bài kinh có nghĩa là *ngọn lửa*, chữ *vaccha* theo các tự điển tiếng Pali có nghĩa là con bê (*calf*), với nghĩa bóng là một người góc ghech, thật thà, chất phác, chữ *gotta* có nghĩa là *thị tộc* hay *gia tộc* (*clan*). Chữ Vaccha-gotta do đó có nghĩa "một người chất phác thuộc một thị tộc [nào đó]", vì vậy tên gọi này có thể chỉ là một biệt danh.

Bài kinh thuật lại câu chuyện về người thật thà này tìm gặp Đức Phật tại tự viện Jetavana gần thị trấn Savatthi để nêu lên các thắc mắc của mình. Đức Phật khuyên người này không nên vướng mắc vào các quan điểm tự biện (speculative) đó, và đã mượn hình ảnh ngọn lửa tắt vì hết nhiên liệu để giảng cho người này thế nào là sự chấm



dứt của sự hiện hữu. Những lời Đức Phật thuyết giảng trong bài kinh cũng là những lời giải đáp cho vấn đề Đức Phật còn hay không còn hiện hữu sau khi tịch diệt mà nhà sư Sangharakshita nêu lên trong bài giảng trên đây về khái niệm Sambhogakaya.

Thật ra Vaccha không hẳn là một người quá đồi thật thà, mà là một người được sinh ra trong một gia đình Bà-la-môn, từng tu tập theo tín ngưỡng này, thế nhưng sau đó thì bất đồng chính kiến với giáo lý của tín ngưỡng Bà-la-môn bèn bỏ đi lang thang và sống bằng cách khát thực. Một hôm người này tìm gặp Đức Phật và sau khi được nghe Ngài thuyết giảng thì tỉnh ngộ, bèn xin được làm đệ tử của Ngài. Nhân vật Vaccha được nói đến trong nhiều bài kinh, ngoài ra Tạng luật cũng cho biết thêm là người này sau đó đã đạt được cấp bậc a-la-hán. Dưới đây là bản chuyển ngữ của bài kinh này :

### **Aggi-Vaccha-gotta Sutta (MN 72)**

\*\*\*

Tôi từng được nghe như vậy, lúc đó Đấng Thế Tôn đang ngụ gần thành Savatthi (Xá vệ) trong khu rừng chòi Jeta (Jetavana), nơi tự viện do Anathapindica (Cấp Cô Độc) xây dựng. Hôm đó có một kẻ lang thang (*paribbajaka / wanderer, một người khát thực sống không nhà*) tìm Đấng Thế Tôn [để tham vấn], khi đến nơi thì trao đổi vài lời chào hỏi với Đấng Thế Tôn. Sau khi trao đổi những lời chào hỏi thân thiện và lễ độ đó, thì người này ngồi sang một bên. Sau khi an tọa thì người này cất lời hỏi Đấng Thế Tôn : "*Thưa Thầy Gotama / Cồ-đàm, có đúng thật là Thầy chủ trương quan điểm : 'Vũ trụ là trường tồn (thường hằng) :*

*duy nhất chỉ có điều đó là chính đáng (thiết thực và đúng thật), ngoài ra các điều khác đều là vô nghĩa (worthless / vô ích, không thiết thực) hay không ?"*

"... Không..." (câu này đã được rút ngắn nhằm tránh bớt sự lặp đi lặp lại)

"*Vậy thì có đúng thật là Thầy Gotama chủ trương quan điểm : 'Vũ trụ không trường tồn : duy nhất chỉ có điều đó là chính đáng, ngoài ra các điều khác đều là vô nghĩa hay không ?"*

"... Không..."

"*Vậy thì có đúng là Thầy Gotama chủ trương quan điểm : 'Vũ trụ có giới hạn : duy nhất chỉ có điều đó là chính đáng, ngoài ra các điều khác đều vô nghĩa hay không ?"*

"... Không..."

"*Vậy thì có đúng là Thầy Gotama chủ trương quan điểm : 'Vũ trụ là vô tận : duy nhất chỉ có điều đó là chính đáng, ngoài ra các điều khác đều vô nghĩa hay không ?"*

"... Không..."

"*Vậy thì có đúng là Thầy Gotama chủ trương quan điểm : 'Linh hồn (soul / jiva, có nghĩa cái tôi mang tính cách cá nhân) và thể xác là cùng một thứ : duy nhất chỉ có điều đó là chính đáng, ngoài ra các điều khác đều vô nghĩa hay không ?"*

"...Không..."

"*Vậy thì có đúng là Thầy Gotama chủ trương quan điểm : 'Linh hồn là một thứ và thể xác là một thứ khác : duy nhất chỉ có điều đó là chính đáng, ngoài ra các điều*

khác đều vô nghĩa hay không ?"

"... Không..."

"Vậy có đúng là Thầy Gotama chủ trương quan điểm : 'Sau khi chết một vị Tathagata / Như Lai sẽ còn hiện hữu : duy nhất chỉ có điều đó là chính đáng, ngoài ra các điều khác đều vô nghĩa hay không ?'"

"... Không..."

"Vậy thì có đúng là Thầy Gotama chủ trương quan điểm : 'Sau khi chết một vị Tathagata sẽ không còn hiện hữu nữa : duy nhất chỉ có điều đó là chính đáng, ngoài ra các điều khác đều vô nghĩa hay không ?'"

"... Không..."

"Vậy thì có đúng là Thầy Gotama chủ trương quan điểm : 'Sau khi chết một vị Tathagata còn hiện hữu và cũng không còn hiện hữu : duy nhất chỉ có điều đó là chính đáng, ngoài ra các điều khác đều vô nghĩa hay không ?'"

"... Không..."

"Vậy thì có đúng là Thầy Gotama chủ trương quan điểm : 'Sau khi chết một vị Tathagata không còn hiện hữu cũng không phải là không còn hiện hữu : duy nhất chỉ có điều đó là chính đáng, ngoài ra các điều khác đều vô nghĩa hay không ?'"

"... Không..."

"Vậy là thế nào, thưa Thầy Gotama, nếu hỏi Thầy là có đúng là Thầy chủ trương quan điểm 'vũ trụ là trường tồn...'..., 'sau khi chết một vị Tathagata không còn hiện hữu cũng không phải là không hiện hữu, duy nhất chỉ

có điều đó là chính đáng, ngoài ra các điều khác đều vô nghĩa', và dù là trong trường hợp nào Thầy đều trả lời là '... Không...'. Trước các sự nan giải đó phải chăng Thầy Gotama chỉ đơn giản tìm cách tránh né từng quan điểm một, trong số mười quan điểm nêu lên hay không ?"

"Này Vaccha, quan điểm cho rằng 'vũ trụ là trường tồn' là đám bụi rậm của các quan điểm, sa mạc của các quan điểm (có nghĩa là không có quan điểm nào), sự bóp méo các quan điểm, sự hành hạ (writhing / đè bẹp, nghiền nát) các quan điểm, một hình thức gông cùm trói chặt các quan điểm. Đây chỉ là cách mang lại khổ đau, lo buồn, tuyệt vọng và đôn đau, không hề đưa đến sự tỉnh ngộ, sự chấm dứt thèm khát, sự dừng lại, sự thanh thản, sự hiểu biết trực tiếp, sự Giác ngộ hoàn hảo và sự Giải thoát.

"Quan điểm cho rằng 'vũ trụ không trường tồn'..."

"Quan điểm cho rằng 'vũ trụ có giới hạn'..."

"Quan điểm cho rằng 'vũ trụ là vô tận'..."

"Quan điểm cho rằng linh hồn và thể xác là một thứ'..."

"Quan điểm cho rằng linh hồn là một thứ, thân xác là một thứ khác'..."

"Quan điểm cho rằng sau khi chết, một vị Tathagata sẽ còn hiện hữu'..."

"Quan điểm cho rằng sau khi chết, một vị Tathagata sẽ không còn hiện hữu ' "

"Quan điểm cho rằng sau khi chết, một vị Tathagata không còn hiện hữu, nhưng cũng không phải là không còn hiện hữu.

"..., tất cả [các thắc mắc ấy] không đưa đến sự tỉnh ngộ, sự chấm dứt thèm khát, sự dừng lại, sự thanh thản, sự hiểu biết trực tiếp, sự Giác ngộ hoàn hảo và sự Giải thoát.

"Không lẽ Thầy Gotama chẳng có một quan

điểm nào hay sao ?

"Quan điểm, này Vaccha, là một cái gì đó mà một vị Tathagata phải làm cho nó biến mất. Những gì mà một vị Tathagata cần phải trông thấy là : "Đây là hình tướng, đây là nguyên nhân làm phát sinh ra hình tướng ; đây là nguyên nhân đưa đến sự biến mất (chấm dứt) của hình tướng. Đây là cảm giác, đây là nguyên nhân làm phát sinh ra cảm giác ; đây là nguyên nhân đưa đến sự biến mất của cảm giác. Đây là sự cảm nhận... ; đây là các sự tạo tác [tâm thân]... ; đây là tri thức ; đây là nguyên nhân làm phát sinh ra tri thức ; đây là nguyên nhân đưa đến sự biến mất của tri thức. Chính vì vậy mà ta bảo rằng : một vị Tathagata - với sự chấm dứt, xóa mờ, từ bỏ mọi giả định (supposition / giả thiết), mọi suy diễn (excogitation / diễn đạt, lập luận), cùng tất cả những gì tạo dựng ra tôi, tạo dựng ra cái của tôi, cùng mọi hình thức ám ảnh mang tính cách tự cao (cho rằng chính đây là "tôi") - sẽ thoát khỏi mọi sự bám víu dai dẳng hầu đạt được sự Giải thoát". .

"Thế nhưng, thưa Thầy Gotama, một người tu hành mà tâm thức đã được giải thoát như thế thì sẽ xuất hiện trở lại (reappear / tái sinh) nơi nào ?

"Xuất hiện trở lại, này Vaccha, điều đó không đúng (doesn't apply / không thích nghi, không chính đáng, không mang ý nghĩa gì cả).

"Trong trường hợp đó, thưa Thầy Gotama, thì người ấy với tâm thức đã được giải thoát sẽ không còn xuất hiện trở lại nữa ?"

"Không còn xuất hiện trở lại, này Vaccha, điều đó không đúng".

"... còn và cũng không còn xuất hiện trở lại" ..., " ... điều đó không đúng".

"... không, xuất hiện cũng không phải là không xuất hiện trở lại".... "... cũng là điều không đúng".

"Vậy là thế nào, thưa Thầy Gotama, khi hỏi Thầy Gotama nếu một người tu hành xuất hiện trở lại..., không xuất hiện trở lại..., xuất hiện và cả không xuất trở lại..., không xuất hiện trở lại nhưng cũng không phải là không xuất hiện trở lại..., tất cả đều là không đúng, dù là trong bất cứ một trường hợp nào cũng vậy. Trước tình trạng đó, thưa Thầy Gotama, tôi thật bối rối, trước tình trạng đó tôi cảm thấy thật hoang mang. Một chút minh bạch mà trước đây tôi nhận thấy khi mới bắt đầu đàm thoại vụt trở thành tối nghĩa".

"Tất nhiên Vaccha không tránh khỏi bối rối. Tất nhiên Vaccha không tránh khỏi hoang mang. Này Vaccha, các hiện tượng đó (các "dhamma" đó) rất khó nhận thấy, rất khó thực hiện (khó nắm bắt, thấu triệt), thật bình lặng, tinh vi, vượt lên trên khả năng phỏng đoán (scope of conjecture), thật tinh tế, chỉ có thể cảm-nhận-được bởi những người sáng suốt (wise). Đối với những người chủ trương các quan điểm khác, tu tập theo các phương pháp khác, hướng vào các sự thỏa mãn khác, các mục đích khác, các vị thầy khác, thì điều đó quả đúng thật là khó hiểu. Đến đây ta sẽ nêu lên một số câu hỏi về vấn đề này. Vậy, này Vaccha, hãy cứ thẳng thắn trả lời ta đúng theo sự suy nghĩ của mình. Vậy Vaccha nghĩ thế nào ? Nếu có một ngọn lửa đang bùng cháy trước mặt, thì Vaccha có nghĩ rằng : 'Ngọn lửa ấy đang bùng cháy trước mặt tôi' hay không ?"

"... Thưa có..."

"Và nếu có một người nào đó hỏi Vaccha như thế này : 'Ngọn lửa đó đang bốc cháy trước mặt Vaccha là nhờ vào những gì mà nó bốc cháy?', thì trước câu hỏi đó, Vaccha sẽ trả lời như thế nào?"

"... Tôi sẽ trả lời : 'Ngọn lửa đang cháy trước mặt tôi là nhờ cỏ và củi khô làm nhiên liệu'."

"Nếu ngọn lửa đang cháy trước mặt Vaccha không còn cháy nữa, thì Vaccha có nhận thấy được là 'Ngọn lửa trước mặt tôi đã tắt' hay không?"

"... Thưa có..."

"Và nếu có một người nào đó hỏi Vaccha như thế này : 'Nếu ngọn lửa đó đã tắt trước mặt Vaccha, thì nó đi về hướng nào ? Đông ? Tây ? Bắc ? Nam ? Trước câu hỏi đó, Vaccha sẽ trả lời như thế nào ?'"

" Thưa Thầy Gotama, tôi sẽ trả lời : 'Điều đó không đúng thật là như vậy' (that doesn't apply). Bất cứ một ngọn lửa nào sở dĩ bốc cháy là nhờ vào nhiên liệu là cỏ lá và củi khô được châm thêm, và nếu nhiên liệu đã cháy hết mà không được châm thêm thì ngọn lửa được xem là đã tắt (không còn bị trói buộc bởi cỏ khô và củi nữa, không còn lệ thuộc vào nhiên liệu nữa, có nghĩa là thoát ra khỏi mọi sự bám víu)".

"Cũng vậy, này Vaccha, dù là bất cứ một hình tướng nào mà một người nào đó nêu lên để mô tả Tathagata / Như Lai (chữ Tathagata / Như Lai trong trường hợp này là cách mà Đức Phật tự xưng mình) thì hình tướng đó Tathagata cũng buông bỏ nó, cội rễ của nó đã bị hủy diệt, tương tự như một cây cọ (cây dừa) đã bị bật gốc, mất hết điều kiện (cơ may) để phát triển trở lại. không

còn đưa đến sự sinh trong tương lai. Này Vaccha, khi đã không còn được nhận diện như là một hình tướng [cụ thể] nữa, này Vaccha, thì Như Lai sẽ trở thành sâu thẳm, không còn bị ngăn cách bởi bất cứ một ranh giới nào nữa cả (boundless), [do đó] rất khó để thăm dò, tương tự như đại dương (một ghềnh thác, một con suối hay một dòng sông phải tùy thuộc và địa hình, đại dương trải lại là một vùng nước mênh mông, không trông thấy bờ cũng không thăm dò được đáy). 'Xuất hiện trở lại' không đúng là như thế. 'Không xuất hiện trở lại' không đúng là như thế. Cả hai 'xuất hiện' và 'không xuất hiện trở lại', cũng không đúng là như thế (sau khi tịch diệt Đức Phật hòa nhập vào hiện thực và trở thành hiện thực, một hiện thực tuyệt đối, hiện hữu cùng khắp và vô tận, không còn được xác định bởi một hình tướng nào nữa cả, "sự xuất hiện trở lại" hay "không xuất hiện trở lại" hoặc cả hai đều trở thành vô nghĩa. Sự hiện hữu của chúng ta là các ghềnh thác, các con suối, các nương lạch tùy thuộc vào địa hình trên mặt đất. Các hình thức hiện hữu trên mặt đất đó có thể xác định, mô tả và hình dung được).

"Bất cứ một cảm giác nào... Bất cứ một sự cảm nhận nào... Bất cứ một sự tạo tác [tâm thân] nào (lập lại ý của câu trên đây đối với ba câu hợp thứ hai, thứ ba và thứ tư trong số năm thứ câu hợp /ngũ uẩn)...tất cả không còn mang một ý nghĩa nào nữa cả.

(câu tiếp theo dưới đây là một câu đầy đủ liên quan đến câu hợp thứ năm là tri thức)

"Đối với bất cứ một [thể dạng] tri thức nào mà một người nào đó nêu lên để mô tả Như Lai / Tathagata, thì Như Lai cũng sẽ gạt bỏ nó (không chấp nhận nó), cội rễ của nó đã bị hủy diệt, tương tự như một cây cọ đã bị bật gốc, mất hết điều kiện để phát triển trở

lại, không còn đưa đến sự sinh trong tương lai. **Này Vaccha, khi đã không còn xác định** (classification / quy định, nhận định) **được là một [thể dạng] tri thức nào nữa, thì Như Lai sẽ trở thành sâu thẳm, không còn bị ngăn cách bởi bất cứ một ranh giới nào, [do đó] rất khó để thăm dò, tương tự như đại dương.** 'Xuất hiện trở lại' không mang một ý nghĩa nào. 'Không xuất hiện trở lại' không mang một ý nghĩa nào. Cả hai 'xuất hiện' và 'không xuất hiện trở lại' cũng không mang một ý nghĩa nào".

Sau khi được nghe những lời giảng đó Vacchagotta, người khát thực lang thang bên nói với Đấng Thế Tôn như sau : "Thưa Thầy Gotama, điều đó cũng tương tự như một cội cây sala to lớn bên cạnh một xóm làng hay một đô thị : Vì tính cách vô thường (inconstancy / sự biến đổi) sẽ khiến cành và lá của nó rơi xuống, vỏ của nó rơi xuống, các phần mềm nơi thân cây rơi xuống - đến độ không còn cành lá, vỏ cây, các phần mềm - chỉ còn lại phần gỗ cứng. Cũng tương tự như vậy, những lời thuyết giảng của Thầy Gotama, sau khi đã loại bỏ được cành lá, vỏ cây và các phần mềm, duy nhất chỉ còn lại cốt lõi của cội cây" (sau khi các phương tiện thiện xảo rơi xuống thì cội cây cô thụ sum suê của Đại thừa cũng sẽ trở thành Dhamma của Đức Phật hơn hai mươi lăm thế kỷ trước).

"Tuyệt vời thay, thưa Thầy Gotama! Tuyệt vời thay! Điều đó cũng chẳng khác gì như Thầy dựng lên một vật đã bị đổ xuống, khám phá ra một vật bị che dấu, chỉ đường cho một người đi lạc, thắp lên một ngọn đèn trong chỗ tối tăm giúp những ai có mắt trông thấy được hình tướng. Cũng tương tự như vậy, Thầy Gotama, qua các phương pháp lý luận nêu lên, đã khiến Dhamma trở nên minh bạch hơn (trong trường hợp này

chữ Dhamma có nghĩa là bản thể của vạn vật, sự vận hành của hiện thực). Tôi xin Thầy cho phép tôi được quy y nơi Dhamma (trong trường hợp này chữ Dhamma có nghĩa là Giáo huấn của Đức Phật. Xin chú ý chữ Dhamma rất nhiều nghĩa, trong khi đó chữ Pháp trong kinh sách Hán ngữ bắt nguồn từ chữ Luật Pháp không phản ánh được ý nghĩa vừa bao quát, vừa đa dạng và vừa uyển chuyển của chữ Dhamma trong tiếng Pali hay Dharma trong tiếng Phạn), quy y nơi Tăng đoàn các tỳ-kheo. Xin Thầy Gotama hãy chấp nhận tôi là một đệ tử thế tục đã quy y với Thầy, kể từ hôm nay và cả sau này, trong suốt cuộc đời tôi".

(Bản kinh trên đây trong Đại Tạng Kinh mang tựa là "Kinh dạy Vacchagotta về lửa", độc giả có thể xem thêm bản dịch này trên nhiều trang mạng, hoặc theo địa chỉ liên kết : <https://thuvienhoasen.org/a892/72-kinh-day-vacchagotta-ve-lua-aggivacchagotta-sutta>)

Bures-Sur-Yvette, 16.02.22  
Hoang Phong chuyển ngữ

**Pháp Cú**

HT. Thích Minh Châu dịch

**Phẩm Bà La Môn**

415

Ai ở đời đoạn dục,  
Bỏ nhà, sống xuất gia,  
Dục hữu được đoạn tận,  
Ta gọi Bà-la-môn

# CÂU CHUYỆN MỘT CHIẾC ĐÈN DẦU

## Hoang Phong



Tôi sinh ra đời khi Thế chiến thứ hai bắt đầu bùng nổ tại Âu châu. Thế nhưng tại một tỉnh lỵ nhỏ bé tại miền Nam trên quê hương tôi, nơi tôi sinh ra đời, thì người dân vẫn sống yên lành. Thật ra gốc gác của gia đình tôi ở thật xa nơi này, tận miền Bắc. Cha tôi là một công chức trong chính quyền thuộc địa, được thuyên chuyển về cái tỉnh lỵ này một năm trước khi tôi ra đời. Tuy thế, khi lớn lên tôi vẫn cứ xem cái tỉnh lỵ bé tí xíu đó là cả một góc quê hương gần gũi và thân thiết nhất đối với tôi, nơi mà người ta chôn buồng nhau của mẹ tôi và cái cuống rốn của tôi.

Tỉnh lỵ nằm ở cửa một con sông nhỏ, mở ra một vùng biển sinh lầy, sau này từng là một trong các cửa ngõ của những người vượt biên, và ngày nay cũng đã trở thành một tỉnh lỵ sầm uất. Thế nhưng cái khung cảnh êm

đềm và nếp sống thật đơn sơ của cái tỉnh bé xíu đó của hơn ba phần tư thế kỷ trước vẫn còn in đậm trong ký ức tôi. Tôi vẫn còn nhớ ngôi trường và cả lớp học của tôi. Tôi vừa học hết ‘lớp năm’, còn gọi là ‘lớp đồng ấu’, thì Thế chiến thứ hai lan đến cái tỉnh nhỏ bé đó. Gia đình cha mẹ tôi cùng các gia đình khác ‘chạy giặc’, còn gọi là ‘tản cư’. Mọi người thuê ghe tiến sâu vào các vùng rừng ngập nước và hoang vu, gần biên giới xứ Cao Miên, ngày nay là nước Kampuchea. Tôi biết chiến tranh là như thế nào từ những ngày thơ ấu đó.

Câu chuyện mà tôi sắp thuật lại không nhằm mục đích nêu lên một biến cố lịch sử nào cả, mà chỉ là để gợi lại một vài sự kiện làm bình phong cho một câu chuyện rất riêng tư và giản dị, một câu chuyện về một ngọn đèn dầu. Nói là một câu chuyện, thế nhưng thật ra cũng không hẳn là một câu chuyện, bởi vì các tình tiết nêu lên trong câu chuyện thật hết sức giản dị và tầm thường, một câu chuyện giữa một đứa bé và một người mẹ.

Thời bấy giờ, nơi cái tỉnh lỵ nhỏ bé của tôi, không có nhà nào có điện cả, tối đến phải thắp đèn dầu. Sau bữa cơm chiều, khi trời chập choạng tối thì mẹ tôi thắp một ngọn đèn dầu ở gian nhà trên, cha tôi thường ngồi đọc sách bên cạnh chiếc đèn này. Chiếc đèn có chân cao và ống khói cũng cao, dễ bị lật đổ, bắc bằng vải, đốt bằng dầu lửa, người thời bấy giờ gọi là dầu hôi. Thế nhưng chiếc đèn mà tôi sắp nói đến trong câu chuyện này không phải là chiếc đèn này, mà là chiếc đèn riêng của mẹ tôi.

Lúc trời bắt đầu sụp tối thì lúc nào mẹ tôi cũng có một chiếc đèn bên cạnh. Chiếc đèn này bé tí xíu, mang một cái tên rất ngộ nghĩnh là đèn chong cóc. Tôi cũng chẳng hiểu cái tên gọi chong cóc ấy có nghĩa là gì. Mãi về sau này khi lớn lên, tôi mới hiểu đây là ngọn đèn của những người dân quê cầm tay ra đồng vào buổi tối để bắt ếch. Chữ chong là tiếng miền Nam, có nghĩa là rọi sáng hay soi sáng. Người dân nơi đồng ruộng miền Nam không nói thấp đèn mà nói là chong đèn. Thật vậy lúc trời sụp tối là lúc mà một số sinh vật rời khỏi chỗ ẩn nấp để đi kiếm ăn, nói lên một sức sống âm thầm và yên lặng, khác hơn với sức sống ồn ào và náo nhiệt của con người và các sinh vật khác, thức dậy giữa ban ngày dưới ánh nắng chói chang.

Lúc trời chiều hay chạng vạng, kể cả những lúc đêm đã xuống hẳn, tôi thường hay đứng trước sân nhà, nhìn những con cóc nhảy chồm chồm, muỗi mòng và đom đóm bay lượn hăng đàn, tiếng ếch ương ì ọp. Mẹ tôi cấm bước xuống cỏ vì rất nhiều rắn rết. Không một ánh đèn, quang cảnh mờ mờ hiện lên dưới ánh sao đêm, hoặc rạng rỡ dưới ánh trăng vàng vạc vào những ngày rằm. Trong sân có một cây xoài, bên cạnh là một hàng cây cau cao vút, phía sau các cây cau là một con đường mòn cặp theo bờ con sông Cái lớn. Đêm tôi có một sức sống của nó. Tiếc thay ngày nay không mấy người có dịp trông thấy cái sức sống trong đêm tối đó của thiên nhiên. Ánh đèn điện sáng choang, cùng mọi thứ ồn ào, từ truyền hình cho đến quán ăn, nhà hát, đã làm mất đi cái thiêng liêng của đêm tối.

Tuy còn bé thể nhưng tôi rất thích ngắm nhìn vạn vật mờ ảo trong bóng đêm. Quay vào nhà thì tối nào cũng vậy, mẹ tôi sau khi dọn dẹp và rửa chén bát và nồi niêu xong,

thì bước lên nhà trên, ngồi vào một chiếc chiếu trải dưới đất, khâu vá quần áo cho tôi và hai em tôi, trước mặt là chiếc đèn chong cóc. Thời bấy giờ, người phụ nữ nào cũng biết may vá cả, là con gái thì phải học may học vá với mẹ từ lúc còn bé. Mẹ tôi đưa hai tay kề gần ngọn đèn, luồn từng mũi kim. Bóng hình của mẹ tôi cúi xuống ngọn đèn, hắt lên thật lớn, lung linh trên vách tường màu trắng phía sau lưng. Mỗi lần mẹ kéo sợi chỉ cho thẳng, thì hình bóng cánh tay trên tường cũng đưa cao, chạm lên đến tận trần nhà. Trên tường và trần nhà vào buổi tối lúc nào cũng có những con thằn lằn, người miền Bắc gọi là thạch sùng. Tôi thường nhìn những con thằn lằn rình mồi và bóng hình cánh tay của mẹ trên tường, nhip nhàng đưa lên và hạ xuống. Thỉnh thoảng bóng hình bàn tay cầm kim của mẹ chạm cả vào một con thằn lằn đang bò trên trần.

Vào các thời kỳ xa xưa đó nhà cửa quét vôi, sơn dầu dường như chưa có hoặc hiếm hoi, mỗi năm thường phải thuê thợ quét vôi trắng trong nhà, tường vách bên ngoài thì pha thêm màu vàng. Bóng dáng mẹ tôi ngồi khâu vá nổi bật trên vách và trần nhà trắng xóa. Ngày nay, khi hội tượng lại hình ảnh đó tôi thường nghĩ rằng trong bóng đêm của cuộc sống, mỗi người trong chúng ta dường như đôi khi cũng có thể chợt thấy hiện lên với mình các hình ảnh rất sinh động và rất thật như vậy, thế nhưng đôi khi chỉ vì chúng ta không để ý nên không nhận thấy mà thôi. Bóng dáng hắt lên tường của một bàn tay cầm kim kéo thẳng sợi chỉ cùng với những con thằn lằn bò trên vách tìm mồi, in đậm trong ký ức của tôi. Bóng đêm trong cuộc sống dường như rất thiêng liêng và cần thiết, giúp chúng ta trông thấy cái rạng rỡ của một buổi sáng hừng đông.

Trở lại với thực tế thì sau những năm cả gia

đình chạy giặc, sống sợ hãi và gian nan trong rừng, thì người Pháp trở lại Đông Dương. Các cơ quan hành chính lại được thiết lập trở lại nơi cái tỉnh lỵ nhỏ bé trên bờ của một vùng biển sinh lầy đó. Cha tôi thuê xuồng đưa gia đình trở về và tìm lại được chức vụ cũ. Thế nhưng sau đó thì cha tôi xin chuyển lên Sài Gòn. Chiến tranh không những vẫn tiếp diễn mà còn trở nên kinh hoàng hơn nữa. Các trục lộ bị đào phá, an ninh không có, cha tôi phải thuê thuyền cặp bờ biển đưa gia đình đến tỉnh Kampot của xứ Cao Miên, ngày nay là hải cảng Sihanoukville của nước Kampuchéa. Từ Kampot lấy xe đò đi Nam Vang, ngày nay là thủ đô Phnom Penh, và từ Nam Vang lại lấy xe đò đi Sài Gòn.

Cậu bé nhà quê cảm thấy choáng ngợp trước một đô thị to lớn, ồn ào và tấp nập, nào là xe đạp, xe xích lô, xe thổ mộ chở khách do ngựa kéo, thỉnh thoảng có các xe cá bốn bánh, chở hàng hóa hoặc dọn nhà, do hai con ngựa kéo. Những người buôn gánh bán bưng khắp nơi. Thế nhưng những gì khiến tôi choáng váng và kinh ngạc hơn cả là ánh đèn điện. Lần đầu tiên tôi trông thấy ánh sáng tỏa ra từ nền văn minh và kỹ thuật tân tiến. Cha mẹ tôi mua một căn nhà trong một con hẻm nhỏ. Trên trần nhà lòng thòng một bóng đèn điện, bóng đèn chỉ bằng một quả cam thế nhưng chiếu sáng cả gian nhà trên. Dưới bếp cũng lòng thòng một bóng đèn khác nhưng nhỏ hơn. Thế nhưng ánh sáng tỏa ra từ hai chiếc bóng đèn điện sáng choang đó cũng đã đánh mất đi những gì rất thân thiết với tôi. Ánh đèn mờ ảo và lung linh của chiếc đèn chong cóc hắt lên gương mặt của mẹ tôi, trong lúc mẹ tôi chăm chú luôn từng đường chỉ mũi kim, từ nay chỉ là những gì còn sót lại trong ký ức của tôi mà thôi, kể cả ánh đèn mờ mờ và di động, trong những lúc mẹ tôi lục đục trong bếp, cũng

không còn.

Vừa dọn vào nhà mới thì công việc đầu tiên của mẹ tôi là dẫn tôi và em tôi đi học trong một ngôi trường tiểu học bé xíu gần nhà, ngôi trường mang tên là Nguyễn Bá Tông. Người mẹ nào mà lại chẳng muốn thắp lên một ngọn đèn trong tâm trí của con cái mình. Vị hiệu trưởng đưa một quyển sách tập đọc hỏi tôi từng chữ cái, tôi nói đúng không sai chữ nào, tôi thuộc lòng hai mươi bốn chữ cái, thế nhưng nguyên một chữ thì tôi chỉ đánh vần được một vài chữ dễ. Vị hiệu trưởng nói với mẹ tôi : « Dì ơi, tôi xếp cháu lớn vô lớp tư, bởi vì nó lớn rồi, nếu xếp chung với mấy đứa nhỏ trong lớp năm thì cũng khó coi, nhưng nó phải tự cố gắng thì mới được. Còn thằng em thì tôi xếp nó vô lớp năm. Dì chịu không ? » Mẹ tôi trả lời : « Chuyện đó là tùy Thầy ». Lúc đó tôi lên mười và em tôi thì lên tám. Tôi nghĩ rằng lời nói của vị hiệu trưởng rất đúng, cho đến ngày hôm nay, trong khi viết các dòng chữ này, thì tôi vẫn còn tự mình cố gắng. Chóc nữa nếu muốn đứng lên thì phải chống tay vào thành bàn để lấy đà.

Trở lại với ngôi nhà của cha mẹ tôi, thì gian nhà trên có một tấm phản lớn, hai cái giường và một chiếc bàn nhỏ giữa nhà, trong hộc bàn mẹ tôi luôn để một ít tiền các đề các em tôi và tôi ăn quà, và đồng thời cũng là để cho những người ăn xin đi ngang. Đặc biệt hơn cả là trong nhà có một cái tủ đứng khá lớn và khá cao, có hai cánh cửa, một cánh có gương soi. Trên đầu tủ mẹ tôi đặt một bát hương và một chiếc đèn chong cóc. Thế nhưng chiếc đèn cũng chỉ làm vì, mẹ tôi chẳng bao giờ châm một que diêm. Mỗi đầu tháng và ngày rằm thì mẹ tôi bắc ghế trèo lên, cắm một nén hương vào chiếc bình hương trên đầu tủ thế thôi. Duy nhất chỉ vào dịp Tết thì mẹ tôi mới mang chiếc đèn



xuống, coi bác, châm dầu, thắp lên một đóm lửa, đặt đèn lên chiếc bàn nhỏ, chung dọn hoa quả và bánh trái cúng ông bà.

Gia đình chúng tôi sống trong khung cảnh êm đềm và giản dị đó được vài năm, trong khi chiến tranh vẫn tiếp diễn khắp nơi trên giải đất quê hương. Thế rồi một hôm, bất thần mẹ tôi ngã bệnh. Cha tôi thường vắng nhà, sau cùng thì đi biệt. Mẹ tôi thường hay khóc, đêm đêm bên cạnh gối có đặt thêm một chiếc khăn, thay vì là chiếc đèn chong cóc. Hơn một năm sau thì mẹ qua đời. Cha tôi trở về, bán nhà, mua một căn nhà khác, mang hai em tôi và tôi về sống với một người dì ghẻ. Câu chuyện chiếc đèn dầu chong cóc châm dứt ở đây, và thật ra thì câu chuyện cũng chỉ giản dị là như thế.

*Nắm lấy hai tay mẹ,  
Xương xương từng đốt gầy.  
Con nhìn vào mắt mẹ,  
Thoang thoang một vầng mây.*

*Nắm lấy hai tay mẹ,  
Xương xương từng ngón lạnh.  
Nhìn vào trong mắt mẹ,  
Áng mây trời xanh xanh.*

*Nắm lấy hai tay mẹ,  
Vắt và đôi bàn tay,  
Nuôi con từ thuở bé ?  
Cả khung trời bao la.*

*Con nắm hai tay mẹ,  
Mẹ nhìn con thật gần,  
Hắt hiu trong mắt con,  
Xa xôi hình bóng mẹ.*

*Trong mắt mẹ, ô kìa !  
Bùng lên tia nắng ấm.  
Âm ảm đôi tay gầy :  
Vạt nắng một mùa xuân ?*

*Trong tim con hoa nở,  
Đặt vào hai tay mẹ,  
Cánh hoa hồng ngày xưa,  
Thuở ngày xưa bên mẹ.*

*Trông kìa, hai tay mẹ,  
Phơi áo con trong nắng,  
Thoán thoán đôi tay gầy,  
Giữa trưa hè nắng gắt.*

*Hiu hắt gương mặt mẹ,  
Giọt nước mắt chưa nhòe?  
Đáy tim con bật khóc,  
Nhặt nhòa một ngày xưa.*

Bures-Sur-Yvette, 24.01.25  
**Hoang Phong**

## Hư Hư Lục

*Thích Nữ Như Thủy*

### Hòa Thượng Cua

Thuở trước ở miền Bắc nước ta có một chú bé mồ côi cha sống với mẹ tại một miền quê hẻo lánh nọ. Năm chú bé được 12 tuổi, bà mẹ vẫn còn buôn tảo bán tần để nuôi con.

Một hôm trong khi mang hàng ra chợ bán, bà mẹ trao cho con một giỏ cua đồng, bảo giã ra nấu canh làm cơm trưa. Chú bé y lời mẹ dặn, mang giỏ cua ra làm. Bất ngờ, vừa giáng chày đập con cua đầu tiên, thấy con vật quỳnh quáng quờ quạng tay chân tìm đường chạy trốn, chú bé chợt động lòng bi mẫn, không nỡ tiếp tục, liền đem giỏ cua ra trút xuống ruộng cả.

Tan chợ, bà mẹ mang hàng về. Nhìn thấy mâm cơm đạm bạc, bà ngạc nhiên hỏi:

- Thế... món canh cua đâu? Chú bé áp úng:
- Khi sáng, con mang cua ra làm, thấy chúng nó khóc, con thương quá nên thả hết rồi, mẹ ạ.

Vừa đói vừa giận, bà mẹ vợ lấy cây đũa bép gõ cho con một cái. Chú bé hoảng sợ, co giò chạy ra khỏi nhà. Chú đi, đi mãi và các trận chiến liên miên đã ngăn cách chú với bà mẹ cùng quê nhà từ đó.

Ba mươi năm trôi qua... Bà mẹ đã già nua. Sau những năm di tản, đã trở về quê cũ, vẫn bán chè theo từng buổi chợ để mưu sinh.

Một hôm, đang buổi chợ, bà gặp một vị tăng trung niên, ghé qua hàng hỏi thăm gia thế và đề nghị giúp đỡ bà cụ bằng cách đem về chùa nuôi dưỡng. Bà cụ nhận lời và vào chùa công quả từ dạo đó.

Ngày tháng dần qua, đã đến lúc bà cụ từ giã cõi đời. Hòa thượng trụ trì, tức vị tăng đã đề nghị đưa bà vào chùa thở trước, có việc phải đi bố giáo phương xa. Trước khi đi, ngài dặn các môn đệ rằng, nếu bà cụ có mất thì chớ tăng cứ tẩm liệm chớ đừng mai táng mà phải đợi ngài về. Mọi người đều y lời.

Bà lão mất được một hôm thì Hòa thượng trở về. Đứng trước quan tài, Hòa thượng thấp hương khấn rằng:

- Trong kinh Phật có dạy, một người con tu hành đạt đạo, cha mẹ sẽ được sanh thiên, nếu lời dạy ấy không ngoa thì xin cho chiếc quan tài này vỡ ra để con thấy mặt mẹ lần cuối.

Hòa thượng vừa dứt lời, mọi việc xảy ra như lời nguyện, trước sự kinh ngạc của toàn thể hội chúng.

Hòa thượng bèn thuật lại thân thế của mình chẳng ai khác hơn là chú bé thả cua năm xưa. Từ đó, người ta gọi ngài là Hòa thượng cua. Và, cũng theo lời người kể thì mảnh vỡ của chiếc quan tài hiện còn lưu trữ tại một ngôi chùa Bắc Việt, để mọi người ghi nhớ câu chuyện lạ lùng và cảm động về Hòa thượng Cua và vị thân sinh ra ngài.

## Giới thiệu Thi sĩ TUỆ NGÀ

Tuệ Nga tên thật là Trần Thị Nga, sinh năm 1936 tại phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, là Phật tử Gia Đình Minh Tâm, chùa Quán Sứ, Hà Nội. Bà làm thơ từ năm 17 tuổi, là hội viên thi đàn Quỳnh Dao, Sài Gòn trước 1975. Hiện sống cùng gia đình tại thành phố Beaverton, tiểu bang Oregon, vùng Tây Bắc Hoa Kỳ. Bà cộng tác với các báo Quê mẹ, Đất mới, Hồn Việt, Văn, Làng văn, Thế giới ngày nay, Thời tập, Hoa mơ, Nguồn sông, Pháp duyên, Hoa sen, Pháp âm, Viên giác, Dân ý, Lạc Việt, Văn đàn, tạp chí Nguồn,...

Tác phẩm:

- Suôi (Giải Văn học nghệ thuật 1974)
  - Suôi trầm tư (1982)
  - Mây hương (Thơ đạo 1987)
  - Chiều phở mây (1991)
  - Hoa sương (1994)
  - Hoa đài dâng hương (Thơ đạo 1995)
  - Nửa viên trăng (1997)
  - Lan hoa thi tập (Tuệ Nga, Phương Hồ 1998)
  - Suôi hoa (1999)
  - Từ giòng sông trăng (2005)
  - Về bên suôi Tịnh (2005)
  - Bà có 29 bài thơ đã được phổ nhạc do các Nhạc Sĩ Từ Công Phụng, Ngô Mạnh Thu, Mạnh Bích, Mộng Lan, Trọng Nghĩa, Trục Tâm, Tô Mai Lễ, Nguyễn Nhu...
- (Theo [https://www.thivien.net/Tue-Nga/...](https://www.thivien.net/Tue-Nga/))

# “CON VÀO DẠ MẠ ĐI TU”

Đỗ Hồng Ngọc



Bác sĩ Đỗ Hồng Ngọc

“Mạ” là Mẹ. Con vào dạ, mạ đi tu là khi “cán thai” vào lòng tự nhiên người mẹ nào cũng ... “đi tu”! “Đi tu” đây không có nghĩa là xuống tóc, vào chùa gõ mõ tụng kinh mà chỉ có nghĩa là sửa mình, thay đổi mình, từ ngoài vào trong, từ trong ra ngoài. Mọi thứ ở người mẹ phải sửa sang, phải “tu chỉnh”, nên mới có câu “con vào dạ mạ đi tu”!

Sửa mình không dễ. Nhưng một khi có “con vào dạ” rồi thì tự dung phải sửa thôi. Bởi có “sửa” thì mọi thứ mới tốt đẹp cho con, cho mẹ, và cho cả gia đình.

Thực ra, không chỉ “mạ đi tu”, mà người cha cùng cả nhà cũng đi tu với mạ!

“Con vào dạ” ấy là lúc mang vào lòng cả một thế giới, cả một kiếp người. Cái sinh linh bé bỏng này nó đến từ đâu? Nó đi về đâu? Nó sẽ ra sao? Nó đến cách nào nó đi cách nào? Người mẹ bỗng trở thành triết gia một sớm một chiều!

Cái gọi là tử cung– “dạ con”- kia chính là nơi trú ngụ của đứa con, chẳng khác chi hoàng cung là nơi trú ngụ của nhà vua- cho nên kể từ lúc này bé đã là một... vì vua lo nhoi trong bụng mẹ, làm mọi thứ trong người mẹ chuyển động, đổi thay. Mẹ bấy giờ đã là một người phụ nữ khác. Một người sắp là mẹ, sắp làm mẹ. Sinh con rồi mới sinh cha/ sinh cháu giữ nhà rồi mới sinh ông. Cũng vậy, “sinh con rồi mới sinh mẹ”. Không có con thì sao là mẹ được! Và khi cái thai nhú lên từ trong bụng mẹ thì đó cũng là lúc “mẹ sinh”. Mẹ từ từ sinh ra theo sự lớn lên từng ngày của thai nhi. Và để... sinh ra một người mẹ thực sự thì mẹ phải “tu” thôi. Kể giúp mẹ tu... thành mẹ chính là đứa con trong bào thai, ngay từ khi còn trong trứng nước.

Nó có quyền năng rất lớn. Nó làm thay đổi cả “vũ trụ quan” và “nhân sinh quan” của mẹ. Nói đơn giản hơn, nó thay đổi một cách nhìn. Lúc bấy giờ, người phụ nữ vừa “cán thai” kia đã nhìn mẹ mình cách khác, nhìn cha mình cách khác! Rồi nhìn chồng mình cũng khác, nhìn bạn bè mình cũng khác. Thậm chí nhìn hàng xóm láng giềng cũng khác đi rồi. Trước kia có khi hục hặc với cha, có lúc bực dọc với mẹ, tranh hơn tranh thua với đồng nghiệp với hàng xóm láng giềng bây giờ tự dung thấy mệnh mông lòng từ. Thấy thương thấy quý, thấy biết ơn tất cả. Cái sinh linh này, tâm hình hài này từ đâu mà đến, sẽ ra sao ngày sau? Phải làm gì đây cho nó hạnh phúc nhất, cho tương lai nó tốt đẹp nhất. Mãi nghĩ về nó mà không còn thấy cái tôi của mình nữa. Nó trở thành cái rún của vũ trụ chớ không phải cái

tôi là rún của vũ trụ như xưa. Lòng bi mẫn cũng từ đó mà tràn đầy. Thương người hơn, thấy rõ nỗi khổ đau của mình của người hơn và từ đó muốn giúp đỡ, muốn nâng niu. “Từ năng dữ lạc, bi năng bạt khổ”. Hóa ra đã “tu” lúc nào không hay! Rồi còn biết vui theo cái vui của người, thấy dễ tha thứ, dễ buông bỏ. Lòng đã rộng mở. “Hy xả” lúc nào đó vậy? Chưa biết là trai hay gái đây, nhưng không thành vấn đề. Có đứa con vào bụng, bỗng thấy mình không là mình nữa. Mà hai mình. Hai mà một. Mới hiểu thế nào là “nhất như”. Mắt nhìn khác đi, tai nghe khác đi, mũi ngửi khác đi, lưỡi nếm khác đi, và toàn cơ thể nữa, đã bày biện khác đi nên xúc tiếp cũng khác đi. Và đặc biệt, ý nghĩ, tư tưởng cũng đã khác đi nhiều lắm. Từ đó, những lời ăn tiếng nói dấm dăng, đanh đá xưa kia bỗng trở nên từ ái, khoan dung; những cử chỉ vụt chạc, hấp tấp lúc trước đã trở nên điềm đạm, từ tốn... Hóa ra “lục căn” đã dần thanh tịnh. Mắt tránh xa những hình ảnh bạo lực, kích dục... trong phim ảnh, sách báo, kịch nghệ. Tai tránh xa những âm thanh dậm dật loạn động hay áo nã sâu thương. Từ bỏ những món ăn kích thích, nào rượu nào bia; lánh xa những nơi có mùi thuốc lá, tránh bớt những món cay nồng... Mặc rộng, thoáng mát, đi lại khoai thai. Ăn biết mình ăn, ăn gì, tại sao; đi đứng nằm ngồi thế nào... Mọi thứ cứ như chánh niệm. Tránh cả những chuyện cà kê dễ ngỗng, tránh các « bà tám » thị phi. Cái sinh linh bé bỏng kia, hoàng tử công chúa kia, không biết từ cát bụi nào đã đến, lẽ nó nghe được, nó bình phẩm, nó bắt chước thì sao?

“ Ăn cơm có canh, tu hành có bạn ». Bạn tu đầu tiên gần gũi nhất phải là “thằng cha nó”. Từ ngày biết mình sắp làm cha “thiên hạ », ông đã âm thầm tự động bỏ thuốc lá, giảm bia rượu, thôi đàn đúm, la cà. Đi làm xong

vội về... xoa đầu con, coi nó lớn tới đâu trong bụng mẹ. Ông chăm chú, nghiên ngẫm xem nó đã biết dòm ngó phê phán gì chưa. Tự dưng có một kẻ lạ hoắc tự trên trời rơi xuống, lọt tòm vào nhà mình, dòm dõ mình, nghe ngóng mình... cũng làm mình bối rối không ít chứ ! Cái gì bây giờ cũng len lén, ngó trước dòm sau. Nó cười chăng ? Nó nhăn chăng ? Nó đau chăng ? Nó giận chăng ? Hóa ra không phải « con vào dạ mạ đi tu » mà bố cũng phải tu.

Lạ thay, rồi bà nội bà ngoại, ông nội ông ngoại tương lai cũng tu luôn. Ai cũng sửa mình, cũng tự thay đổi cả. Bà nội bà ngoại đâm ra dễ thương hết sức, chăm lo từng chút, dặn dò từng ly, bày đặt đủ trò, gây phiền hà không ít, nhưng tất cả chỉ vì cái sinh linh bé bỏng này thôi.

Tu, nói cho cùng, cũng tu từ khóm cây bụi cỏ, từ tiếng mõ tiếng chuông. Cho nên, nhà cửa giờ cũng trở nên ngăn nắp, sạch sẽ, sáng sủa hơn. Sách đọc đã khác. Phim ảnh đã khác. Âm nhạc đã khác. Chắc chắn cái cảm xúc sảng khoái, lâng lâng của mẹ khi được nghe một điệu hát ru quen thuộc thuở năm nôi sẽ làm sản sinh các kích thích tố hạnh phúc truyền qua thai nhi. Mấy bức tranh treo trên tường cũng đã kịp thay. Trong sáng hơn, tươi vui hơn. Nhớ chuyện kể ông bố người Mỹ da trắng ngạc nhiên thấy đứa con sơ sinh của mình sao da đen tóc quít khác thường thì bà vợ đã giải thích là do suốt thời gian mang thai bà đã ngắm mãi cái hình anh cầu thủ bóng đá da đen treo trên tường! Phải cảnh giác !

Rõ ràng, không chỉ tu mà còn phải học. Chỉ có hiểu biết một cách khoa học mới hết nỗi lo âu. Làm sao nuôi bé lớn lên từng ngày trong bụng đây? Làm sao cho mắt nó sáng, da nó đẹp, môi nó hồng đây? Nó chui ra

bằng đường nào? Có đau lắm không? Có phải “đi biên mò cội một mình” như người ta nói không? Có cần « ông già » nó cùng “đi biên” cho có đôi không? Có cho nó bú ngay không? Bú có hư không?... Ôi biết bao điều phải học. Học để biết « cơ chế » của hoài thai, mang thai, của sanh nở để không còn phải sợ hãi, lo âu. Chắc chắn một điều là mẹ tròn con vuông, bởi sanh nở là chuyện sinh lý bình thường của bất kỳ bà mẹ nào. Có người khuyên mô để cho khỏi đau, nhưng đau... cũng hay chứ, mới biết « mang nặng đẻ đau » là thế nào, mới biết « cha sinh mẹ dưỡng/ đứ cù lao/ lây lượng nào đong... » là thế nào! Làm gì có chuyện chọn giờ hoàng đạo để sanh thì sau này bé sẽ... làm vua, làm tể tướng ! Làm vua, làm tể tướng đâu không thấy chỉ thấy thiếu dưỡng khí não vì sinh non, sinh sớm, dễ mắc bệnh tâm thần về sau. Cứ sanh đẻ tự nhiên thôi để được là người đầu tiên đón bé vào đời, rồi cho nó bú ngay.... để được làm mẹ, là mẹ, sớm chừng nào hay chừng nấy.

Nhiều người đi tu muốn mau thành “chánh quả”. « Mạ đi tu » nhiều khi cũng vậy. Cũng muốn “giáo dục » sớm cái sinh linh bé bỏng này ngay khi còn trong trứng nước để mong sau này nó thành thân đồng, thành siêu nhân, anh hùng, vô địch... Nhưng « quả » mà chín mau quá chỉ có cách « giú ép ». Mà giú ép thì không ngon. Cái gì gượng quá đều không hay. Mạ mà căng thẳng quá đê « tu » cũng sẽ tạo nên stress, sản sinh nhiều chất độc hại cho cơ thể, cho cả mẹ lẫn con.

Cảm ơn chút sinh linh bé bỏng sắp bước vào « cõi người ta ».

Và cảm ơn tất cả vì những yêu thương trìu mến!

## Có Niềm Vui Tức Thì

*NS. Thích Nữ Tâm Vân*

Đời người tuy có vô số sự lựa chọn, chúng ta luôn đứng ngã tư đường, nhưng kỳ thật đường ta chọn chỉ có một ...Trong mỗi chúng ta đều có sự lựa chọn để dừng lại ....bạn chọn cách nào cũng được ... quan trọng là tâm bạn không còn phiền não khổ đau... không còn toan tính lo nghĩ... về mặt tinh thần được an yên... về mặt hình thức giải quyết từng việc là ổn....Người xưa có dạy “ cơm thì ăn từng miếng mà việc thì phải làm từng phần” đó chính là tâm nguyện đưa ra sự lựa chọn, chỉ cần bạn tiến về phía trước theo tiếng nói của lòng mình.

Dù chúng ta có bận đến mấy cũng cần nhắc tâm ta dừng lại. ... mặc dù sự dừng lại chỉ có sự an lạc đến trong ngắn ngủi, nhưng cũng giúp bạn cân bằng mọi thứ ... những khoảnh khắc có hạnh phúc bình yên là những điều tốt đẹp luôn ngắn ngủi ...bởi vì quá ngắn ngủi nên nó rất quý giá

Chúng ta tự nhắc mình sống trong chánh niệm, sống hết mình với thực tại. Chúng ta tự thưởng cho mình ít phút rảnh rang, thanh thoi, thư giãn. Những giây phút đó hoàn toàn không làm gì cả, đơn giản chỉ thư giãn, chỉ sống và làm việc hết mình với hiện tại mà thôi.

Chúng ta khác chư Phật ở chỗ, Đức Phật ăn cơm còn ta thì không, Đức Phật có uống nước còn ta thì không, Đức Phật có ngủ còn ta thì không. Bạn thấy lạ không nào.

(Xem tiếp theo trang 30)

# NĂM MƯƠI NĂM, MỘT CHẶNG ĐƯỜNG

Tiểu Lục Thân Phong

Phật giáo cũng như vận mệnh của người dân, luôn thăng trầm theo thời cuộc. Năm mươi năm trước quốc độ trải qua cuộc bể dâu tang thương, rồi kế tiếp là những ngày tháng khắc nghiệt điêu linh đã khiến hàng triệu người phải ly hương. Người ra đi có thể là di tản, vượt biên, vượt biển... Lao vào cõi chết để tìm đương sống. Người ra đi mang theo cái thân thể gầy gò ốm yếu, cái tâm hồn tan nát tả tơi. Người ra đi với hai bàn tay trắng, bỏ lại tất cả sau lưng. Sau khi đến được vùng đất mới, gầy dựng lại từ đầu. Một trong những việc ấy là xây dựng những ngôi chùa Việt trên đất mới, ngoài việc học hành mưu sinh, việc hoằng pháp, thực hành Phật pháp lại thiết tha. Việc xây chùa không phải là một chuyện dễ, nó không chỉ về kinh tế mà còn những vấn đề pháp lý, văn hóa và thái độ của cư dân bản xứ... Phải nói là trăm khó ngàn khăn, tuy nhiên với lòng mộ đạo cao, với tín tâm tam bảo sâu, với sự quyết tâm không ngại khó... Từ đó những ngôi chùa dần dần mọc lên trên khắp xứ sở Cờ Hoa nói riêng và toàn thế giới nói chung.

Năm mươi năm đã trôi qua, giờ đây Phật giáo Việt đã có chỗ đứng vững vàng, có cơ sở khang trang, có tư cách pháp nhân... Có những đạo tràng độ được cả người bản xứ. Cụ thể như những đạo tràng thuộc Làng Mai, chùa Việt Nam (Texas)... Phật giáo Việt Nam hải ngoại may mắn có được những bậc cao tăng thạc đức, tinh thông nội điển lẫn ngoại điển, có thể kể như: Ngài Thích Thiên Ân, Ngài Thích Trí Chơn, Ngài Thích Nhất Hạnh, ngài Thích Như Điền, ngài Thích Nguyên Tạng... Những lớp tu sỹ trẻ cũng đầy năng lực như sư cô Thích Nữ Hạnh Từ...

Năm nay GHPGVNTN hải ngoại tổ chức lễ kỷ niệm ngày đức Phật đản sanh tại công viên JFK Hockey Fields, đây là một địa điểm tuyệt vời nằm bên bờ hồ Tidal Basin, chung quanh là cả một quần thể di tích lịch sử như: Đài tưởng niệm Washington (Washington Monument), đài tưởng niệm Abraham Lincoln (Abraham Lincoln Memorials), đài tưởng niệm chiến tranh Việt Nam, đài tưởng niệm chiến tranh Triều Tiên, đài tưởng niệm chiến tranh đệ nhị thế chiến... Để xin được giấy phép để tổ chức lễ Phật đản chung của cộng đồng Việt Nam hải ngoại ở đây là cả một quá trình cam go. Ban tổ chức liên tục xin phép, giải trình với chính quyền sở tại để thuyết phục họ. Phải nói các sư và các thiện nguyện viên thật xuất sắc. Ngoài việc xin giấy phép ra, ban tổ chức phải chuẩn bị cả một núi công việc từ vận động tài chánh, tổ chức đưa đón, xe cộ, ăn ở cho cả ngàn con người, phải liên lạc thuê mướn cảnh sát giữ an ninh, nhân viên y tế... Ban tổ chức và toàn thể tình nguyện viên đã làm một cách năng nổ, nhiệt tình và chu đáo.

Lễ Phật đản năm nay là một sự kiện lớn của Phật giáo Việt Nam hải ngoại, đánh dấu một chặng đường năm mươi năm qua. Lễ Phật đản năm nay tại thủ đô Hoa Thịnh Đốn của nước Mỹ là một cuộc “ra mắt” lớn với công chúng Mỹ. Rất nhiều người Mỹ và khách du lịch đã tò mò ghé lại xem buổi lễ. Lễ Phật đản đánh dấu năm mươi năm có sự tham gia của quý hòa thượng khắp các châu lục. Hòa thượng Thích Như Điền và pháp lữ từ Đức quốc – châu Âu. Thượng tọa Thích Nguyên Tạng và pháp lữ từ Úc châu đến. Quý hòa thượng, đại đức tăng ni và đồng hương Phật tử từ khắp các tiểu bang tụ hội về. Có thể

điểm sơ qua: California, Michigan, Nevada, Florida, Georgia, North Carolina, South Carolina, Tennessee, Pennsylvania... Có thể nói là buổi lễ Phật đản năm nay lớn nhất, đông đảo nhất từ trước tới nay. Quý thầy, quý sư cô, toàn thể đồng hương Phật tử thầy đều hoan hỷ vô cùng. Ngoài những nghi lễ thường thấy, ở lễ Phật đản năm nay còn có chương trình cầu nguyện cho Việt Nam tại đài tưởng niệm chiến tranh Việt Nam. Chùa Giác Sơn và ban tổ chức đã tổ chức đoàn xe hoa rước Phật biểu diễn quanh khu vực trong yếu, khu vực quyền lực nhất nước Mỹ đó là khu vực quanh những con đường bọc lấy Bạch Cung, Đài tưởng niệm Washington (người Việt ta quen gọi là tháp bút chì), chạy quanh Nation Mall...Lời kinh tiếng kệ, chuông trống bát nhã vang lên giữa đất trời Hoa Thịnh Đốn. Giáo pháp của Thế Tôn được hoằng truyền ngay tại vùng đất thần kinh của Mỹ, trái tim của nước Mỹ. Những người con Phật không khỏi xúc động trong khoảnh khắc này và ngay tại đây. Những bộ cà sa sáng lên trong cảnh quan xanh tươi của công viên. Những tà áo dài tha thướt của hàng Phật tử Việt Nam làm ngỡ ngàng ánh mắt của cư dân địa phương và khách du lịch. Những lá cờ Phật giáo tung bay phấp phới trong nắng gió thủ đô như hòa điệu với những lá cờ Hoa Kỳ vốn có khắp mọi nơi ở khu vực National Mall này.

Năm mươi năm, lần đầu tiên cả một rừng cờ năm màu của Phật giáo bay phấp phới suốt mấy ngày qua ở Hoa Thịnh Đốn. Nếu sự kiện đức Phật đản sanh ở Lâm Tỳ Ni là một sự kiện vô tiền khoáng hậu ở thế gian, thì sự kiện lễ Phật đản ở Hoa Thịnh Đốn là một cột mốc, một nét son trên dòng Phật sử của người Việt hải ngoại. Đây cũng là một sự kiện mới lạ đối với cư dân địa phương. Buổi sáng Chủ Nhật, ngày rước Phật và đi nhiễu Phật quanh hồ trước đài tưởng niệm tổng thống Abraham Lincoln là một sự kiện nức

lòng người. Hàng ngàn chư tôn đức, tăng ni và đồng bào, đồng hương Phật tử bước đi những bước chân an lạc. Tiếng rì rào xung niệm danh hiệu đức Thế Tôn lan tỏa vào không gian mênh mông bao la. Có lẽ từ ngày khánh thành tượng đài tưởng niệm cho đến hôm nay mới có một sự kiện đặc biệt này. Đạo Phật nói chung, Phật giáo nói riêng đã đem lại một không khí mới cho văn hóa của người bản địa.

Lễ Phật đản hay còn gọi là lễ tam hợp (Vesak) nhân năm mươi năm Phật giáo Việt Nam hình thành và phát triển ở hải ngoại, đã làm phong phú thêm vốn văn hóa của xứ sở Cờ Hoa. Người Mỹ biết đến Phật giáo như một tôn giáo hòa bình. Tất nhiên những yếu tố lễ nghi, phẩm phục, ngôn ngữ có lạ mắt với họ. Họ có thể xem đó như là một yếu tố văn hóa huyền bí của phương Đông. Nước Mỹ, cụ thể là thành phố Nữ Ước đã lấy tên thiên sư Thích Nhất Hạnh để đặt tên đường. Đây là một sự vinh danh và công nhận công lao cũng như sức ảnh hưởng của ngài. Nữ Ước có đường Thích Nhất Hạnh là một sự vinh dự to lớn của Phật giáo nói riêng, toàn thể người Việt Nam nói chung.

Năm mươi năm là một quãng đường dài, là thời gian đủ tròn hai thế hệ. Quý hòa thượng, tăng ni và quý đồng hương Phật tử đã bỏ ra biết bao công sức để có được ngày hôm nay. Năm mươi năm để có được một ngày long trọng và vinh dự như thế này. Không biết rồi năm mươi năm tới sẽ ra sao? Khi mà thời cuộc thay đổi một cách nhanh chóng và đầy bất ngờ, mặc khác khoa học công nghệ, kỹ thuật, điện toán, trí thông minh nhân tạo phát triển cao độ đã làm thay đổi sâu sắc thói quen, hành vi của con người. Đạo Phật và Phật tử cũng không thể nằm ngoài quy luật vô thường, ắt sẽ có nhiều chuyển biến khác trong tương lai. Cũng như thế, năm mươi năm trước chẳng có ai biết

được Phật giáo Việt Nam có một luồng chảy mạnh mẽ bên ngoài quốc gia, Phật giáo Việt Nam có một cơ đồ sự nghiệp hết sức đáng tự hào như thế này. Phật giáo Việt Nam hải ngoại nhờ sự lèo lái kiên trì bất khuất của các vị long tượng sư vương của GHPGVNTN nên mới có được ngày hôm nay.

Suốt chiều dài lịch sử của tộc Việt, của quốc gia. Phật giáo cũng trải qua nhiều thăng trầm thử thách, ngay cả những lúc khốc liệt nhất

cũng không thể chia cách dân tộc với đạo pháp được. Dân tộc và đạo pháp luôn song hành với nhau. GHPGVNTN giữ đúng tôn chỉ này, hành hoạt trong lòng dân tộc, hòa vào lòng dân tộc. Năm mươi năm của Phật giáo Việt Nam hải ngoại cũng chính là năm mươi năm bền bỉ đi cùng năm tháng của GHPGVNTN.

Tiểu Lục Thần Phong  
Washington DC. 0425

## Tản Mạn Về Quan Hệ Thầy, Trò Trong Đạo Và Đời Ngày Xưa Và Nay

### Huệ Hương

Những tuần lễ liên tiếp trong tháng 5/2022 tại Sydney tôi được tham dự các buổi concert có khi đó là buổi từ thiện cho nạn lụt, khi thì do một nhóm học trò mà tư cách đạo đức khiến chúng ta ngưỡng phục tổ chức và toàn bộ số tiền thu được sẽ là quà tặng đến một vị Thầy khi về hưu khiến tôi chạnh lòng thao thức tư duy ...

Hơn thế nữa với khung cảnh trang nghiêm huy hoàng nhỏ trong phạm vi một thành phố hoa lệ ta mới ngưỡng phục Đức Phật bậc siêu việt của thế giới hoàn vũ này đã dứt khoát từ bỏ cung vàng điện ngọc nơi mà sự mọi vật chất được cung phụng đầy đủ.

Và phải nói thêm trong địa hạt tình người, buổi tổ chức tiễn đưa Thầy dạy âm nhạc mình từ một Head Master của Sydney Grammar College quy tụ nhiều musician nổi tiếng khắp nơi về ...quả là một điều kính ngưỡng . Buổi hoà tấu đã đánh động tâm linh mọi người và ngay chính tôi trong mùa Phật Đản này.

Có phải thế giới phương Tây và Á Đông cổ

kính của mình vẫn còn khác nhau xa lắm. ....Phải chăng chúng ta chỉ viết những bài tưởng niệm thật sâu sắc và cảm động khi tiễn đưa Giác Linh ân sư mình khi Ngài thông dong về cảnh giới Phật mà quên xưng tán khi quý Ngài còn chung sống trong hạ giới cùng ta.

Hơn thế nữa, có bao nhiêu học trò đương thời đã “appreciate” toàn bộ công trình tham khảo nghiên cứu của Thầy mình?

Phải chăng cộng đồng chúng ta xem việc những tác phẩm của Thầy mình như là...từ một cá nhân muốn đề cao bản ngã mình và phán xét một cách hời hợt.

Nhân đọc kinh lời vàng (tác giả Dương Tú Hạc, Dịch giả HT Thích Trí Nghiêm) kính xin ghi lại vài trích yếu lấy từ những bộ kinh vĩ đại và tự mình chiêm nghiệm hầu thu thập chút ít gì cho sự thao thức tư duy đó .....

Trong ba vị trí đặc biệt quan trọng của xã hội xưa “Quân - Sư - Phụ” thì người thầy chỉ đứng sau vua, người được xã hội, nhân dân



đặc biệt coi trọng và tôn vinh, là người mà nhân dân gửi gắm niềm tin để giúp con em họ học hành mà thành tài.

Trong xã hội xưa, cái nghĩa “Tôn sư trọng đạo” được gắn với tính mô phạm, khuôn phép, nhân cách, đạo đức. Vì thế, thầy phải ra thầy, trò phải ra trò chứ không thể có bất cứ một yếu tố nào chi phối giá trị này. Muốn được học trò tôn kính, thầy phải giữ đúng chữ đạo làm Thầy biểu tượng của nhân cách cao đẹp, đạo đức.

Về phía học trò, biết nghe lời Thầy biết chăm chỉ học tập và biết ứng xử cho phải đạo. Nếu phạm lỗi phải biết kính cẩn xin lỗi và sửa chữa lỗi lầm. Chính vì vậy, trò vi phạm, nhất là phạm lỗi đạo đức, Thầy trách phạt, thậm chí dùng roi đánh vào tay, vào lưng, thậm chí từ chối sự giáo dục để học trò nhận ra lỗi lầm của mình nhưng trò và gia đình không hề kêu ca, không hề trách mắng Thầy vì họ đều nhận thức được rằng, có như vậy, bản thân mới nên người, mới cố gắng học hành để thành đạt. Điều học trước tiên cũng là ...Khi gặp thầy, trò phải thực hiện những nghi lễ chào hỏi một cách cung kính.

Chính vì vậy, một trong những nguyên tắc hàng đầu của nghề giáo là phương pháp “thân giáo” (gương mẫu). Có nghĩa là lấy bản thân mình làm tấm gương cho học sinh noi theo, từ trong cách đi đứng, nói năng, xử sự...

Thời đại gần đây nhất chúng ta thường nghe nhắc đến công đức của biết bao người thầy tài năng, đức độ, cuộc sống thanh bần mà trong sáng như gương Thầy Chu Văn An, Ngài Nguyễn Bình Khiêm v.v...

Từ phẩm chất thanh cao tuyệt vời quý Thầy, người người tôn trọng đây là những bậc thầy

vĩ đại. Cuộc đời của quý Thầy dù có trải qua bao nhiêu thăng trầm thì bản chất luôn là một thầy giáo mẫu mực.

Nói về Thầy Chu Văn An có lẽ Thầy đã được đánh giá là nhà sư phạm toàn diện nhất trong lịch sử đất nước. Trong suốt cuộc đời gắn bó với nghề giáo, Chu Văn An đã dạy hầu hết các học sinh từ thấp đến cao, từ bình dân đến quý tộc.

Còn ở Nguyễn Bình Khiêm, ông là người có tài năng siêu việt nhưng phẩm chất rất gần gũi và bình dị. Ông thường dạy học trò của mình đạo đức làm người và phê phán những thói hư tật xấu mà con người nên tránh.

Trộm nghĩ ngày nay cũng thế ...để hoàn thành nhiệm vụ vẻ vang của mình đặc biệt người thầy giáo ngoài đời hay một vị minh sư trong Đạo phải chặng quý vị ấy hết sức chú trọng rèn luyện đạo đức, chứ không thể chỉ rèn tài, vì đức mới là cái gốc. Để làm được điều này thì tất nhiên quý Thầy, quý Sư phải lấy lòng nhân ái mà cảm hóa học trò, đệ tử, lấy sự uyên thâm mà thu hút sự hiếu học của họ. Bên cạnh đó, việc đánh giá, phán xét khả năng, đạo đức cũng phải công bằng, vô tư, không thiên vị và như thế có thể giáo dưỡng và huấn luyện một con người trở thành người có cả tài lẫn đức thì cần lắm sự đức độ, thông thái của người Thầy, Minh Sư vậy.

Đâu đây có một danh ngôn rằng: “*Sự gương mẫu của người thầy giáo là tia sáng mặt trời thuận lợi nhất đối với sự phát triển tâm hồn non trẻ mà không có gì thay thế được*”.

Đọc được trong các quy chế thiền môn, từ năm 2000 trở về trước (không rõ sau này vì tôi đã ẩn cư nhiều năm trong tháp ngà) chúng ta thường thấy những lời khuyên dạy

như sau:

—Phép thờ thầy, ngẫm ý sâu nữa là phép thờ đại chúng luôn nữa (câu chuyện Ngài Đạo Giản)

*“Thiền sư Đạo Giản núi Vân Cư ở Nam Khang, triều Tống, ban đầu tham kiến Thiền sư Đạo Ung. Đạo Ung đàm thoại với ngài ba ngày đã tán thán căn khí của ngài, bảo ngài nên khắc khổ nhẫn nại phục vụ đại chúng. Từ đó ngài gánh nước, bửa củi, giã gạo, nấu cơm, lo liệu các việc trong chùa mà trong chúng không ai hay biết. Ngài là một vị tăng tài kiệt xuất về luận đạo, chuyện cổ kim ẩn giấu trong từng lâm”*

Riêng thời nay, trong Đạo ....Phật tử nào thực hành lễ phép, kính dường bậc sư trưởng, kính dường Hòa thượng, Thầy Trụ trì, những bậc Thầy lớn, đừng nói xấu gì hết thì bốn phước tự nhiên tăng trưởng hồi nào không hay.

Kính Pháp Cú: *“Người thực hành lễ phép thường kính bậc trưởng lão, bốn phước tự nhiên tăng: đẹp, mạnh, thọ và an.”*

—Người học có thầy cũng như cây có gốc.

—“Thầy nói chưa xong trò không được nói, nghĩa là thầy nói chưa xong không được cắt ngang để nói ý mình. Bởi vì ta sẽ không nghe được thêm điều gì lại tỏ ra sự mất tôn kính của người có học thức. Cũng không được nói lý tranh hơn thua.”

—Người đệ tử dù lớn tuổi hơn Sư Phụ cũng cần được hướng dẫn về thái độ tôn trọng và quý mến người giảng dạy mình, thì người giảng dạy mới dễ dàng trao chìa khóa tri thức một cách nhiệt tình, không giấu

giếm.

—Dẫu có lia thầy nhưng cũng nhớ lời thầy dạy, chẳng nên luân tình tự ý theo người thế tục làm việc bất chánh.

Trộm nghĩ:

Ngày nay với phương tiện công nghệ quá tiên bộ, người đệ tử thường không có thời gian hầu cận Thầy như ngày xưa mà chỉ được nuôi dưỡng tâm linh bằng những bài pháp thoại. Do đó một vị Thầy khi thuyết giảng cần lòng trọng đó những hạnh đức mà người nghe có thể tu tập theo.

*“Nếu có Tỳ kheo vì người thuyết pháp mà tự suy nghĩ: “Ta vì kẻ kia thuyết pháp, khiến họ tin kính ta, sẽ cho ta rất nhiều vật uống ăn, áo mặc, nên ta thuyết pháp”, ấy là bất tịnh thuyết pháp. Trái lại Tỳ kheo vì người thuyết pháp, mục đích muốn người nghe chứng giải Phật Pháp, lìa các phiền não, trừ khô hiện tại. Và có thể khiến kẻ nghe, nghe mình thuyết pháp, như thuyết tu hành, vì khiến người nghe lãnh hội được pháp, được nghĩa, được lợi, và được yên vui. Thuyết pháp như thế gọi là thanh tịnh từ bi thuyết pháp.”*

*Kinh Trường A Hàm*

—  
Người thuyết pháp cần tu 4 hạnh:

Học rộng nghe nhiều, năng giữ tất cả ngôn từ chương cú

Quyết định khéo biết hành tướng sanh diệt của các pháp thế gian và xuất thế gian

Phải được thiền định và trí huệ, tùy thuận các kinh pháp mà không tranh luận

Chẳng thêm chẳng bớt, cứ đúng như Pháp mà nói

*Luận Thập Trụ Tỳ Bà Tập*

Thân tâm mình đã được giáo huấn rồi, lại đem dạy người, thời chẳng khó; nếu muốn dạy người trước phải dạy mình đã.

*Kinh Phật Trị Thân*

Trước trừ ác mình, sau dạy người trừ; nếu mình chẳng trừ, mà dạy người trừ, đâu có lý vậy. Vậy nên Bồ Tát trước phải tự bố thí, trì giới, trì túc, cần hành, tinh tấn, nhiên hậu mới giáo hóa người.

*Kinh Ưu Bà Tắc Giới*

Như vị Đại Thuyền Sư thường đem con thuyền vĩ đại, hạ giữa dòng chảy, chẳng đụng bên này, chẳng chạm bên kia, chẳng trụ giữa dòng, cứ thẳng tiến tới, không chút ngừng nghỉ.

Cũng thế, Bồ Tát lấy thuyền Ba la mật, ở trong dòng sanh tử, mà chẳng chán sanh tử, chẳng thủ Niết Bàn, mà cũng chẳng ở giữa dòng, là vì muốn khiến chúng sanh đạt đến bờ bên kia, nên không ngừng tay. Trong khoảng vô lượng kiếp, thường tu tinh tiến giáo hóa chúng sanh.

*Kinh Hoa Nghiêm*

Hoàn cảnh thời đại hiện nay có những lúc ta không không thể gần bên Thầy và Minh Sư nên .....thường người Thầy khó biết căn cơ người nghe pháp online nhiều, vì thế cho nên khó áp dụng được như những lời trích yếu được tìm thấy trong Kinh Lời Vàng (Tác giả: Dương Tú Hạc- Dịch giả: HT Thích Trí Nghiêm) từ 60 năm về trước như sau:

Kẻ nói pháp, xem căn cơ của người nghe mà nói, họ nhất tâm nghe hiểu thấu vào trong nghĩa của lời nói, như khát được uống; và thấy kẻ nghe pháp buồn vui hồn độn mới nên vì nói pháp.

*Luận Trí Độ*

Bồ Tát biết chỗ sở tác của chúng sanh, biết nhọn duyên, biết tâm hành, và biết ưa thích của chúng mà nói pháp. Với kẻ tham dục nhiều, nên nói pháp bất tịnh; với kẻ giận dữ nhiều, nên nói pháp đại từ; với kẻ ngu si nhiều, nên nói pháp siêng năng, quan sát các pháp; với kẻ ba món độc đều nhiều, nên dạy khiến thành tựu pháp môn trí huệ; với kẻ ưa vui sanh tử, nói pháp ba món khổ; với kẻ đắm chấp các thứ "có" nói pháp "không tịch" với kẻ lười nhác, nói pháp đại tinh tấn; với kẻ ôm lòng ngạo mạn nói pháp bình đẳng; với kẻ nhiều dục, nói pháp Bồ Tát tâm; với kẻ tâm tánh chất trực mà ưa vắng lặng, nên rộng vì nói các pháp khiến họ thành tựu Đạo quả.

*Kinh Hoa Nghiêm*

Đức Phật bảo các đệ tử rằng: Cũng như thợ vàng lấy các thứ vàng, tùy ý muốn tạo thành các thứ trang điểm: như chuỗi anh lạc, vòng, thoa, kiềng mào v.v...hình tướng tuy khác nhau nhưng chẳng ngoài vàng mà có.

Đức Như Lai cũng thế, chỉ lấy một Phật Đạo tùy thuận chúng sanh, mà phân biệt nói ra nhiều pháp. Như một thức phân biệt nói có sáu; một sắc phân biệt nói thành sáu; vì muốn giáo hóa chúng sanh nên phải phân biệt vậy.

*Kinh Niết Bàn*

Bồ Tát thường hay tu phương tiện thẳng trí mà biết được tâm của chúng sanh ưa muốn những gì, rồi tùy theo bệnh mà cho thuốc diệt trừ hết các bệnh, nghĩa là khiến chúng sanh thông suốt Phật pháp, gọi là Phương tiện ba la mật. Vì muốn khiến chúng sanh được lợi ích nên chẳng tiếc thân mạng, gọi là Thân cận ba la mật. Vì các chúng sanh nên đối với kẻ oan người thân bình đẳng nói pháp màu nhiệm, khiến vào Phật trí, gọi là Chơn thật ba la mật ai trọn nên ba món sau

đây, thì mới gọi là thành tựu Thiện xảo ba la mật (ba la mật là nghĩa: rốt ráo).

Dùng sức chánh trí có thể hiểu rõ tâm hành thiện, ác của chúng sanh mà vì nói pháp tương ứng khiến vào nghĩa sâu xa mầu nhiệm. An trụ Niết bàn rốt ráo, gọi là lực Ba la mật. Dầu hy sinh thân sống vì mục đích lợi lạc chúng sanh, gọi là thân cận Ba la mật. Đem sức Diệu trí mà giáo hóa chúng sanh tà kiến, khiến dứt ác nghiệp, chứng quả Niết bàn "thường, lạc", gọi là chơn thiệt Ba la mật. Thành tựu 3 món này, mới là thành tựu trí lực Ba la mật.

*Kinh Hoa Nghiêm*

Tuy nhiên bao giờ việc tri ân đối với một vị Thầy, một Minh Sư cần triệt để áp dụng:

*“Đức Phật dạy: kẻ nào biết ơn thầy, khi có thầy thì lo phụng sự; khi vắng thầy thì lo suy nghĩ những lời thầy đã dạy bảo; giống như kẻ hiếu tử nghĩ nhớ cha mẹ, và như người đói khát nhớ nghĩ đến việc uống ăn.”*

*Kinh Trang Tâm*

Đệ tử kính phụng sư trưởng có 4 điều:

Phải hầu hạ

Lễ kính cúng dường

Tôn trọng những lời thầy dạy bảo phải cung kính tùy thuận, chớ không được chống trái

Khi đi theo thầy nghe được điều gì hay, khéo nhớ giữ gìn, chớ bỏ lãng quên

*Kinh Thiện Sanh Tử*

Đệ tử thờ thầy phải có 5 điều:

Kính mến là khó gặp

Phải nhớ ơn thầy

Nghe theo lời dạy

Nghĩ nhớ chẳng nhàm

Khi đi theo sau hầu hạ phải khen ngợi điều hay của Người

*Kinh Lục Phương Lễ*

Lóng nghe cho chắc, ưa học hỏi, siêng làm

việc, không phạm lỗi, cúng dường thầy. Ấy là năm điều đệ tử thờ thầy vậy.

*Kinh Thiện Sanh Tử*

Còn vị Thầy, Sư Trưởng đối với đệ tử cần tuân thủ quy tắc sau :

cần lấy 5 điều mà đối xử với đệ tử:

Tùy thuận theo phép điều ngự

Dạy những điều mà trò chưa biết

Tùy theo sự nghe biết của trò mà khiến cho hiểu thấu căn lành

Chỉ kẻ hiền lành cho trò kết bạn

Đem hết chỗ hiểu biết của mình mà dạy trao cho trò không nên lẫn tiếc

*Kinh Trường A Hàm*

Lại phải dạy đệ tử có 5 điều:

Khiến trò mau hiểu

Dạy trò giỏi hơn đệ tử của kẻ khác

Phải dạy trò biết rồi nhớ mãi chẳng quên

Phải giải nói các điều nghi nan cho trò hiểu rõ

Muốn khiến trí huệ của trò cao hơn mình

*Kinh Lục Phương Lễ*

Hay khiến học hay dạy bảo, khiến học siêng năng đem về đạo lành, cho trò làm với kẻ hiền hữu. Ấy là năm điều mà thầy đối với trò vậy.

*Kinh Thiện Sanh Tử*

Kính mời quý đạo hữu xem lời Đức Phật dạy bảo khi Ngài A Nan tham vấn

A Nan thưa Phật rằng: người đời và đệ tử Phật khinh rẻ bực Thầy và họ đem ác tâm đến bậc Thầy và người đạo đức thì tội ấy thế nào?

Phật bảo A Nan rằng: “là con người thời phải ưa mến đức của người khác và vui mừng điều

lành của họ, chẳng nên ganh tị.

Còn như đem ác tâm đến bậc Thầy và người đạo đức thì cũng như đem ác tâm đến Phật không khác chi cả”.

Ví phỏng đem cái cung nặng một vạn tạ bắn vào thân mình chừng có đau hay không? A Nan thưa: thật đau lắm đau lắm. Phật nói: người có ác ý đem đến người đạo đức cùng là bậc Thầy hãy còn đau hơn gấp mấy lần cái mũi tên kia bắn vào thân mình.

Là kẻ đệ tử chẳng nên khinh dễ bậc Thầy và đem ác ý đến kẻ đạo đức.

Người có đạo đức phải xem họ như Phật chớ chẳng nên ganh tị hủy báng. Người có giới đức cảm động đến các Thiên long quỷ thần không một vị nào chẳng cung kính.

Thà lao mình vào đồng lửa, cẩn thận chớ nên ganh tị và hủy báng kẻ thiện nhơn, tội ấy chẳng phải nhỏ nhen, cho nên phải cẩn thận lắm.

*Kinh A Nan Vấn Sự Phật Cát Hung*

Cũng nên biết rằng khi đệ tử bị quả mắng là vì đã phạm:

- Bất tín
- Biếng nhác
- Ác khẩu
- Tâm không biết xấu hổ
- Gần gũi ác tri thức

Thế cho nên khi A Nan thưa Phật rằng: bậc Thầy có quyền la mắng đệ tử, tội nhỏ cho là to, chừng như Thầy có lỗi hay không?

Phật đáp: không nên không nên!

Đạo nghĩa Thầy trò phải lấy đạo cảm hóa tự

nhiên, phải cùng nhau có lòng tin cậy thân hậu; xem trò như mình, việc chi mình chẳng muôn làm, đừng trách sao trò không làm. Phải lấy đạo đức rộng dạy: kính trọng, lễ phép cho trò, phải thuận hòa trung tiết, không nên đem lòng oán trách kiện cáo cùng nhau.

Kẻ đệ tử cùng Thầy hai bên đều chân thành: bậc Thầy cho ra bậc Thầy, kẻ làm trò cho đáng kẻ làm trò thì mới được.

*Kinh A Nan Vấn Sự Phật Cát Hung*

**Lời kết:**

Có lẽ khi đã đến tuổi trưởng thành biết suy xét thì trong Đạo và Đời hay bất cứ nơi nào ta đều đã gặp một người Thầy có thể là một bậc thiện tri thức chỉ bảo ta. Khi ấy trong tâm luôn tự nhủ rằng “dù cho đã thành danh ta vẫn giữ lễ học trò, khi đến thăm thầy thì cũng kính lễ phép, nói chuyện với thầy chỉ vài câu rồi đi xa cũng đã vạn phước rồi”

Thật ra mối quan hệ giữa Thầy và Trò chính lại quan trọng ở nơi mỗi cá nhân riêng biệt phải biết mình đang đứng vị trí nào và hiểu được bản thân mình

Người ấy “cần phải tinh tấn.- Đủ tâm thương Thầy.- Tâm không kiêu mạn.

Tâm bình tĩnh và định đoạt.- Có đủ trí mà nghe lời dạy của Thầy”.

Nếu còn được sống trong đời cần ghi nhớ lời dạy của Lão Tử : "Biết người khác là thông minh; biết mình là trí tuệ đích thực. Hiểu người khác là sức mạnh; làm chủ được bản thân mới là sức mạnh thực sự".

Nhưng lại phải tâm tâm niệm niệm rằng “Ta

tự học chỉ là để đào sâu và nâng cao; nhưng rất cần sự hỗ trợ mang tính cách gợi mở, hướng dẫn để đỡ mất thời gian mà vẫn có kết quả. Do vậy ta cần phải nhờ vào thầy cô giáo nhiệt tình, có trách nhiệm truyền trao tri thức.”

Thái độ tôn trọng lễ nghĩa sẽ giúp các học trò được thầy cô giáo mến thương, từ đó việc truyền trao và tiếp nhận diễn ra theo một văn hóa lịch sự và có ý nghĩa trong kiếp người.

Riêng trong Đạo dù phương Tây hay Á Đông nơi nào cũng vậy thời đại nào cũng vậy cần nhớ lời dạy của Đại Sư Liên Trì:

*“Người đệ tử thời xưa khi Thầy mất rồi niềm tin càng kiên định, càng không trái lời Thầy. Người đệ tử thời nay, Thầy vẫn còn đó, niềm tin đã lung lay, biến đổi. Nguyên nhân do đâu? Quả thật do khi mới xuất gia không thật sự muốn nương tựa bậc có chánh tri kiến để thoát ly sanh tử, mà chỉ nhất thời hay vô tình bái làm Thầy mà thôi.”*

Đôi khi chỉ một cảm xúc vu vơ ...bất kính  
Lòng giận đau ...liền sám hối ăn năn  
Tình Thầy, trò ...muôn thời đại vẫn rằng  
Ồn trông người, trông tư tưởng ...khó trả!  
“Thầy kính yêu” ...thật thiêng liêng cao cả  
Đại Phước duyên một lần cạnh mình sư  
Chăm chút chỉ đường dẫn đến ...Chân Như  
Mất trăm năm kiếp người...bao giờ tìm  
gặp?

Tự nhủ: “dù thế gian đi cùng khắp”  
Nghệ thuật khéo nhất nơi Thầy:  
..... tạo được niềm tin  
Đệ tử biết được chỗ đứng của mình  
Luôn tinh tấn, bình tĩnh định đoạt mục đích!  
Khi thành danh, tri ân Thầy trong phần  
khích

Dùng đạo đức chỉ dạy rất thâm tình  
Nhớ mãi chẳng quên: “con tuy có thông  
minh”

Nhớ đừng kiêu mạn ...phát Bi tâm thuần  
hoá!

Người có pháp khí đại thừa ...on Thầy trên  
cả !!!

Nhà mô phạm đoan chánh... bút mực nào  
diễn tả

## Huệ Hương

(Sưu tầm các mạng điện tử và tham khảo  
kinh Lời Vàng)

## Có Niềm Vui Tức Thì

(Tiếp theo trang 21)

Khi ăn Đức Phật biết mình ăn. Đức Phật tập  
trung và toàn tâm toàn ý với từng miếng  
com, từng miếng thức ăn. Còn chúng ta thì  
mãi suy nghĩ và nhai com như cái máy, đôi  
khi quên cả việc nhai và nuốt.

Đức Phật thường thức từng hớp nước còn  
chúng ta nuốt ực trong suy nghĩ mông lung.  
Đức Phật đặt lưng xuống và buông tất cả đề  
ngủ, tập trung cho giấc ngủ. Còn chúng ta bê  
lên giường ngủ bao suy nghĩ mông lung, bao  
lo toan và tính toán, bao kế hoạch và dự án .  
Và chúng ta kéo luôn cả những thứ đó vào  
giấc ngủ.

Chúng ta cần học theo Đức Phật để dừng lại.  
Chúng ta dừng các suy nghĩ miên man của  
mình để toàn tâm toàn ý với hiện tại.  
Chúng ta cứ tập dần. Lúc đầu thấy các tạp  
niệm xen vào liên tục. Nhưng dần dần tạp  
niệm bớt dần và hạnh phúc sẽ lớn thêm mỗi  
ngày.

Đức Phật là bậc toàn giác nên có niết bàn

vĩnh viễn, chúng ta là phàm phu nên có niết bàn trong những khoảng thời gian ngắn. Nhưng rõ ràng, đó là những phút giây tuyệt vời mà chỉ người nào trải qua mới cảm nhận rõ được.

Bạn chỉ cần dành ít phút ra thực tập thôi là

thấy hạnh phúc ngay mà. Hạnh phúc là thứ có thật và rất dễ có được, chứ không khó như bạn vẫn nghĩ trước đây đâu nhé.

Tu Viện Như Ý, Kentucky tháng 4/2022

Thích Nữ Tâm Vân

NVNY Lan Vân

# TU VIỆN NHƯ Ý NHU Y BUDDHIST MONASTERY

*Sáng cho người thêm niềm vui, Chiều giúp người bớt khổ*  
*The morning gives people unlimited joy, The afternoon helps people to reduce their suffering*

Address: 126 Girkin Rd, Bowling Green, KY 42101. USA.

Tel: (702) 857 1735



## Về bài đăng báo Phật Học

Ban Biên Tập hoan nghênh quý độc giả viết bài cho Nguyệt San Phật Học, xin được lưu ý những điểm sau đây :

- ♦ Bài viết về giáo lý hay thơ, văn, nhạc mang chứa nội dung Chân, Thiện, Mỹ theo tinh thần Phật Giáo, có ích cho sự tu học.
- ♦ Bài gửi đăng báo Phật Học, tác giả có thể viết tay hay đánh máy.
- ♦ Bài được đăng báo hay không, xin miễn trả lại bản thảo.
- ♦ Tác giả dùng bút hiệu, xin ghi rõ họ, tên, địa chỉ để dễ liên lạc nếu cần.
- ♦ Tôn trọng tác giả, Ban Biên Tập không sửa chữa hành văn trừ khi tác giả cho phép. Ban Biên Tập có thể sửa lỗi chánh tả hoặc đánh máy bị sai.

Ban Biên Tập  
Nguyệt San Phật Học



HỘ PHÁP

Quý vị muốn nhận báo xin gởi tên và địa chỉ về:

**Phật Học Inc**  
P.O. Box 221483  
Louisville, KY 40252

TO:

BULK RATE  
U.S. POSTAGE PAID  
LOUISVILLE, KY  
PERMIT NO. 368